

ĐIỂM LẠI  
THÁNG 4/2024

# ĐẨY MẠNH KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO





ĐIỂM LẠI  
THÁNG 4/2024



# ĐẨY MẠNH KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO



© 2024 Ngân hàng Tài thiết và Phát triển Quốc tế / Ngân hàng Thế giới  
1818 H Street NW  
Washington DC 20433  
Telephone: 202-473-1000  
Internet: [www.worldbank.org](http://www.worldbank.org)

Báo cáo này là sản phẩm do chuyên gia của Ngân hàng Thế giới và các chuyên gia tư vấn thực hiện. Các kết quả, giải thích và kết luận đưa ra trong báo cáo này không phản ánh quan điểm chính thức của Ngân hàng Thế giới, Ban Giám đốc điều hành Ngân hàng Thế giới hoặc các Chính phủ mà họ đại diện.

Ngân hàng Thế giới không đảm bảo tính chính xác, đầy đủ hoặc tính thời sự của dữ liệu được sử dụng trong báo cáo và không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót, thiếu sót hoặc tính thiếu nhất quán trong thông tin cũng như trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng hoặc không sử dụng thông tin, phương pháp, quy trình hoặc kết luận đưa ra. Đường biên giới, màu sắc, tên gọi và các thông tin khác biểu hiện trên các bản đồ trong báo cáo này không hàm ý bất kỳ đánh giá nào của Ngân hàng Thế giới về vị thế pháp lý của bất kỳ vùng lãnh thổ nào và cũng không thể hiện bất kỳ sự ủng hộ hay chấp nhận nào của Ngân hàng Thế giới về các đường biên giới đó.

Không có nội dung nào trong báo cáo này cấu thành hoặc được hiểu hoặc được coi là hạn chế hay từ bỏ các đặc quyền và miễn trừ của Ngân hàng Thế giới, tất cả những điều trên được bảo lưu.

Mọi câu hỏi về quyền và giấy phép xin gửi về Bộ phận Xuất bản, Ngân hàng Thế giới, phố 1818 H. NW, Washington DC, 20433, USA, Fax: 202-522-2625; email: [pubrights@worldbank.org](mailto:pubrights@worldbank.org).

Thiết kế bìa bởi Công ty Le Bros, ảnh bìa [@shutterstock.com](https://www.shutterstock.com)

# Mục lục

<b>Từ viết tắt</b> .....	<b>8</b>
<b>Lời cảm ơn</b> .....	<b>10</b>
<b>Tổng quan</b> .....	<b>11</b>
<b>Chương 1. Diễn biến kinh tế và triển vọng</b> .....	<b>19</b>
1. Diễn biến kinh tế gần đây.....	20
Tăng trưởng của Việt Nam giảm đà đáng kể trong năm 2023 .....	20
Nền kinh tế có các dấu hiệu trái chiều trong phục hồi vào đầu năm 2024 .....	21
Tăng trưởng kinh tế hạ nhiệt gây ảnh hưởng thị trường lao động và tăng trưởng thu nhập và tiêu dùng .....	21
Mặc dù gặp nhiều khó khăn từ kinh tế toàn cầu, vị thế kinh tế đối ngoại của Việt Nam vẫn được cải thiện trong năm 2023 .....	26
Trong điều kiện lạm phát giảm đà và tăng trưởng yếu đi, NHNN đã nói lòng chính sách tiền tệ.....	29
Tăng trưởng tin dụng chậm lại một chút, trong khi chất lượng tài sản giảm sút .....	31
Chính sách tài khóa được thực hiện theo hướng tương đối mở rộng trong năm 2023 khi thu ngân sách giảm đi và đầu tư công lại được đẩy mạnh để hỗ trợ nền kinh tế .....	31
2. Triển vọng kinh tế, rủi ro và hàm ý chính sách .....	33
Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được cho là tích cực .....	33
Rủi ro và cơ hội đối với triển vọng dự báo trên nhìn chung đang ở thế cân bằng .....	35
Các biện pháp chính sách tài khóa mở rộng được duy trì có thể hỗ trợ nền kinh tế phục hồi, đồng thời ưu tiên hàng đầu vẫn là ổn định khu vực tài chính .....	36
Tham khảo .....	37
<b>Chương 2. Đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam</b> .....	<b>39</b>
1. Giới thiệu .....	40
2. Hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam: Cách tiếp cận phân tích .....	42
Phân tích các yếu tố cầu .....	43
Phân tích các yếu tố cung .....	44
Các điều kiện đảm bảo hệ sinh thái: Đánh giá các yếu tố nền có thể tạo điều kiện hoặc gây hạn chế cho hoạt động khởi nghiệp .....	48
3. Kết luận và khuyến nghị chính sách .....	52
Phụ lục .....	54
Tham khảo .....	56

# Hộp

Hộp 1.1: Thị trường bất động sản trầm lắng và tác động đến nền kinh tế .....	24
Hộp 1.2: Tác động của các cú sốc tới tăng trưởng - phân tích độ nhạy .....	37

# Hình

Hình 1.1: Đóng góp cho tăng trưởng GDP theo các yếu tố tổng cầu .....	20
Hình 1.2: Đóng góp cho tăng trưởng GDP theo lĩnh vực sản xuất .....	20
Hình 1.3: Thị trường việc làm .....	22
Hình 1.4: Tăng trưởng việc làm trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo .....	22
Hình 1.5: Tăng trưởng doanh số bán lẻ .....	23
Hình 1.6: Tăng trưởng của tiêu dùng cuối cùng .....	23
Hình B1.1: Nhà ở dân cư (được cấp phép xây mới) .....	24
Hình B1.2: Số lượng giao dịch .....	24
Hình B1.3: Gia nhập và thoái lui của doanh nghiệp bất động sản .....	24
Hình B1.4: Tỷ lệ % tổng đầu vào của ngành bất động sản .....	24
Hình B1.5: Tỷ lệ % tổng đầu ra cho các lĩnh vực khác .....	25
Hình B1.6: Tốc độ tăng giá trị gia tăng theo lĩnh vực .....	25
Hình B1.7: Tín dụng ngân hàng dành cho lĩnh vực bất động sản .....	26
Hình B1.8: Hệ số mất khả năng trả nợ: trái phiếu ngoài ngân hàng .....	26
Hình 1.7: Cán cân thanh toán .....	27
Hình 1.8: Cán đối tài khoản vãng lai .....	27
Hình 1.9: Cán đối tài khoản tài chính .....	27
Hình 1.10: Cán cân thương mại hàng hóa .....	27
Hình 1.11: Chỉ số sản xuất công nghiệp và xuất khẩu hàng hóa .....	28
Hình 1.12: Tăng trưởng xuất khẩu các mặt hàng chính .....	28
Hình 1.13: Đóng góp cho lạm phát CPI .....	29
Hình 1.14: Tỷ giá .....	29
Hình 1.15: Lãi suất .....	30
Hình 1.16: Tăng trưởng tín dụng .....	30
Hình 1.17: Số thu từ thuế của Chính phủ .....	32

Hình 1.18: Chỉ tiêu của Chính phủ .....	32
Hình 1.19: Tăng trưởng GDP toàn cầu .....	34
Hình 1.20: Tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu .....	34
Hình 2.1: Khung đánh giá hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo .....	43
Hình 2.2: Các chương trình hỗ trợ chính sách khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp, DNV&N .....	46
Hình 2.3: Những thách thức chính các doanh nghiệp khởi nghiệp tham gia khảo sát phải đối mặt .....	47
Hình 2.4: Đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam và tỷ lệ đầu tư mạo hiểm theo quốc gia tại Đông Nam Á .....	48

## Bảng

Bảng 0.1: Một số chỉ số kinh tế, Việt Nam 2021-2026 .....	15
Bảng 1.1: Một số chỉ số kinh tế, Việt Nam 2021-2026 .....	35
Bảng B1.2.1: Phân tích độ nhạy chọn lọc, Việt Nam 2021-26 .....	37
Bảng 2.1: Tổng hợp các khuyến nghị chính sách .....	53

# Từ viết tắt

AED	Cục Phát triển Doanh nghiệp
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
BOP	Cán cân thanh toán
BPS	Điểm cơ bản
CIT	Thuế thu nhập doanh nghiệp
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
DOST	Sở Khoa học và Công nghệ
EPT	Environmental Protection Tax
EU	Liên minh Châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FX	Tỷ giá hối đoái
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GSO	Tổng cục Thống kê (TCTK)
ICT	Công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT)
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
IP	Tài sản sở hữu trí tuệ
LF	Lực lượng lao động
LHS	Thang bên trái
MoF	Bộ Tài chính
MoST	Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN)
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT)
NATEC	Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ
NATIF	Quỹ Đổi mới Công nghệ Quốc gia
NIC	Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Quốc gia
NPL	Nợ xấu
NSA	Không điều chỉnh theo mùa vụ
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
PE	Vốn cổ phần tư nhân
PIT	Thuế thu nhập cá nhân
PMI	Chỉ số nhà quản trị mua hàng
PPG	Nợ công và nợ được khu vực công bảo lãnh
R&D	Nghiên cứu & phát triển



REER	Tỷ giá thực hữu hiệu
SATI	Cục Ứng dụng và Phát triển Công nghệ
SBV	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNV&N)
SMEDF	Quỹ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNV&N)
STEM	Khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán
SOE	Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)
TIPS	Chương trình Vườn ươm Công nghệ phục vụ Khởi nghiệp
TTO	Trung tâm Chuyển giao Công nghệ
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
VAT	Thuế giá trị gia tăng
VC	Vốn đầu tư mạo hiểm
VND	Đồng Việt Nam
Y/y	So cùng kỳ năm trước

# Lời cảm ơn

Chương 1 của báo cáo do Đỗ Việt Dũng (Cán bộ Chương trình Quốc gia cao cấp), Nguyễn Thị Thu Hà (Chuyên viên Phân tích), và Dorsati Madani (Chuyên gia Kinh tế cao cấp) soạn thảo, với sự đóng góp từ Judy Yang (Chuyên gia Kinh tế cao cấp về tình trạng nghèo), Laura Rodriguez Takeuchi (Chuyên gia Kinh tế về tình trạng nghèo), và Ketut Ariadi Kusuma (Chuyên gia cao cấp Khu vực tài chính). Chương 2 của báo cáo do Anwar Aridi (Chuyên gia cao cấp Khu vực tư nhân), Đặng Quang Vinh (Chuyên gia cao cấp Khu vực tư nhân), Marcin Piatkowski (Chuyên gia trưởng Khu vực tư nhân), và Daniel Enrique Querejazu (Tư vấn) soạn thảo. Chúng tôi trân trọng cảm ơn Lê Thị Quỳnh Anh (Cán bộ Đối ngoại) và Nguyễn Hồng Ngân (Cán bộ Đối ngoại cao cấp) đã hỗ trợ về truyền thông. Simon Drought đã hỗ trợ hiệu đính.

Lê Thị Khánh Linh (Trợ lý chương trình) đã hỗ trợ quá trình soạn thảo báo cáo này.

Nhóm biên soạn xin được cảm ơn sự chi đạo chung của Andrea Coppola (Chuyên gia Kinh tế trưởng và Trưởng ban EFI tại Việt Nam), Sebastian Eckardt (Giám đốc Khối Nghiệp vụ MTI - Kinh tế vi mô, Thương mại và Đầu tư), Zafer Mustafaoglu (Giám đốc Khối Nghiệp vụ FCI - Tài chính, Năng lực cạnh tranh và Đổi mới sáng tạo), Carolyn Turk (Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam), và Kathleen Whimp (Quyền Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam).

# Tổng quan



# DIỄN BIẾN KINH TẾ VÀ TRIỂN VỌNG

## Tăng trưởng của Việt Nam đã giảm đáng kể trong năm 2023

**Nền kinh tế Việt Nam chứng lại đáng kể trong năm 2023, trong đó ba động lực tăng trưởng - xuất khẩu, tiêu dùng và đầu tư của tư nhân trong nước - đều mất đà.** Tốc độ tăng trưởng GDP theo giá so sánh giảm từ 8% năm 2022 xuống còn 5%. Nhu cầu ở các thị trường xuất khẩu chủ lực hạ nhiệt khiến cho xuất khẩu giảm 2,5% (so cùng kỳ năm trước), so với tốc độ tăng 4,9% trong năm 2022. Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ (nghĩa là xuất khẩu trừ nhập khẩu) tuy giảm, nhưng vẫn đóng góp 1,6 điểm phần trăm cho tăng trưởng GDP do nhập khẩu cũng giảm mạnh (-4,3% so cùng kỳ năm trước) trong điều kiện nhu cầu trong nước yếu đi. Đồng thời, các lĩnh vực chế tạo chế biến xuất khẩu thâm dụng lao động - đóng góp khoảng một phần tư việc làm tại Việt Nam - bị chứng lại khiến cho thị trường lao động xấu đi. Việc làm mới được tạo ra ít hơn và tăng trưởng thu nhập thực của các hộ gia đình bị giảm, ảnh hưởng đến lòng tin của người tiêu dùng. Tăng trưởng tiêu dùng tư nhân năm 2023 giảm đột ngột xuống còn 3,5% (so cùng kỳ năm trước) so với mức 7,2% (so cùng kỳ năm trước) trong năm 2022. Trong khi đó, do thị trường bất động sản vẫn tiếp tục trầm lắng, tốc độ tăng đầu tư của khu vực tư nhân trong nước giảm chỉ còn 2,8% (so cùng kỳ năm trước), so với mức tăng 5,6% (so cùng kỳ năm trước) trong năm 2022, kéo tốc độ tăng tổng đầu tư giảm còn 4,1% trong năm 2023 so với 5,8% trong năm 2022, ngay cả khi đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn đứng vững và đầu tư công khởi sắc.

**Về sản xuất, sản xuất công nghiệp là yếu tố khiến cho tăng trưởng chứng lại năm 2023.** Do nhu cầu về các mặt hàng xuất khẩu giảm và thị trường bất động sản ảm đạm, khu vực công nghiệp (công nghiệp và xây dựng) tăng nhẹ 3,7% so với 7,8% năm 2022. Trong khi đó, tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ vào năm 2023 chậm lại ở mức 6,8% so với 10% của một năm trước đó, do sự tăng trưởng chậm lại của thương mại và buôn bán mặc dù du lịch trong và ngoài nước có sự phục hồi đáng kể. Khu vực nông nghiệp tăng 3,8% năm 2023, so với 3,4% năm 2022.

## Và xuất hiện các dấu hiệu trái chiều về phục hồi vào đầu năm 2024

Trong quý đầu tiên của năm 2024, nền kinh tế đạt mức tăng trưởng 5,66% (so cùng kỳ năm trước), chủ yếu là do hiệu ứng xuất phát điểm thấp trong xuất khẩu, trong khi tiêu dùng và đầu tư chi phục hồi dần dần. Xuất khẩu hàng hóa phục hồi mạnh mẽ, tăng 17,2% so với cùng kỳ trong quý đầu tiên của năm 2024 so với -11,6% so với cùng kỳ năm trước, nhờ xuất khẩu sang Mỹ và châu Âu tăng mạnh (tương ứng tăng 25,5% và 16,3% so với cùng kỳ năm trước).<sup>1</sup> Cả con số tăng trưởng hàng quý về tiêu dùng (4,9%) và đầu tư (4,7%) vẫn thấp hơn tốc độ tăng trưởng được thấy trong giai đoạn trước đại dịch (tương ứng là 7,1 và 6,2% trong quý đầu tiên của năm 2019). Tiêu dùng nội địa tăng 4,9% trong quý đầu tiên của năm 2024 so với 3,0% một năm trước. Đầu tư thực (theo giá so sánh) tăng 4,7% so với cùng kỳ so với mức

<sup>1</sup> Nguồn: Bộ Công Thương

tăng trưởng bằng 0 của quý đầu tiên năm 2023, nhờ đóng góp mạnh mẽ của FDI, đầu tư công tăng nhẹ, trong khi đầu tư tư nhân vẫn yếu.

### ***Nền kinh tế hạ nhiệt ảnh hưởng đến thị trường lao động, tăng trưởng thu nhập và tiêu dùng***

**Tăng trưởng việc làm giảm còn thu nhập thực bình quân tháng chững lại.** Tăng trưởng việc làm giảm mạnh từ mức 2,2% (so cùng kỳ năm trước) trong quý đầu năm 2023 xuống còn 0,3% (so cùng kỳ năm trước) trong quý đầu năm 2024, thấp hơn nhiều so với mức bình quân 4% của giai đoạn trước COVID. Việc làm trong các lĩnh vực chế tạo giảm 2,3% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, tăng trưởng thu nhập thực bình quân tính theo tháng giảm còn khoảng 1,3% trong các năm 2022-2023 so với mức tăng tăng bình 8,3% trong giai đoạn 2017-2019. Khảo sát người tiêu dùng cho thấy chi tiêu của người dân cho các mặt hàng sử dụng lâu bền, nhu thiết bị gia đình, hàng điện tử cá nhân, và xe hơi, giảm so với năm trước.<sup>2</sup>

### ***Mặc dù gặp nhiều khó khăn từ kinh tế toàn cầu, vị thế kinh tế đối ngoại của Việt Nam vẫn được cải thiện***

**Vị thế kinh tế đối ngoại của Việt Nam được cải thiện trong năm 2023, nhờ tài khoản vãng lai thặng dư lớn.** Cán cân thanh toán (BOP) đạt thặng dư ở mức 1,3% GDP so với thâm hụt ở mức 5,6% GDP năm 2022. Thặng dư tài khoản vãng lai được nới rộng lên mức 6,7% GDP trong năm 2023, từ mức thâm hụt 0,3% GDP năm 2022. Lý do là vì cán cân thương mại hàng hóa đạt thặng dư lớn (10% GDP), dòng kiều hối vẫn tiếp tục duy trì (ước đạt 3,1% GDP), trong khi thâm hụt tài khoản thương mại dịch vụ giảm (xuống còn -2,2% GDP cho năm 2023 từ mức -3,1% GDP năm 2022) do số lượt du khách nước ngoài tiếp tục phục hồi, lên đến gần 12,6 triệu lượt trong năm 2023, so với 3,7 triệu lượt năm 2022. Thặng dư thương mại hàng hóa gia tăng là do nhập khẩu giảm (-14,1% so cùng kỳ năm trước), mạnh hơn so với tốc độ giảm của xuất khẩu (-8,5% so cùng kỳ năm trước). Mặt khác, tài khoản tài chính thâm hụt nhỏ ở mức 0,8% GDP, do dòng vốn ngắn và trung hạn rút ròng ra ngoài nhiều hơn so với giải ngân vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vẫn đứng vững (ở mức 4,6% GDP). Chênh lệch kéo dài giữa lãi suất trong nước và quốc tế góp phần khiến cho dòng vốn ròng chảy ra nước ngoài. Thặng dư cán cân thanh toán giúp nâng cao dự trữ quốc tế từ mức 87,1 tỷ USD vào cuối năm 2022 lên 93,3 tỷ USD vào cuối năm 2023, tương đương 3,3 tháng nhập khẩu.

### ***Do lạm phát giảm đà và tăng trưởng chững lại, NHNN áp dụng chính sách tiền tệ hỗ trợ nền kinh tế***

**Chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát cơ bản giảm khi các hoạt động kinh tế hạ nhiệt.** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2023 giảm xuống mức 3,25% (so cùng kỳ năm trước), sau đó tăng nhẹ trong quý I năm 2024 (ở mức 3,8% so cùng kỳ năm trước), nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mục tiêu lạm phát 4,5% của Chính phủ do chi phí vận tải giảm và tiêu dùng trong nước chững lại. CPI đối với các mặt hàng lương thực và thực phẩm giảm từ 6% (so cùng kỳ năm trước) trong tháng 01/2023 xuống còn

<sup>2</sup> Infocus Mekong Research (IFM), Báo cáo Chỉ số người tiêu dùng của IFM, tháng 01/2024. Khảo sát 1.026 người qua điện thoại di động. Chỉ số này dựa trên 11 nội dung chi của người tiêu dùng, xét theo chi tiêu "nhiều hơn - bằng - ít hơn" so với kỳ trước.

2,9% trong tháng 12, góp phần giúp CPI chung giảm mạnh. Lạm phát cơ bản năm 2023 bình quân ở mức 4,1% (so cùng kỳ năm trước) cao hơn đáng kể so với các mức trước đại dịch, do giá nhà ở và vật liệu xây dựng tăng cao. Lạm phát cơ bản tiếp tục giảm trong quý I năm 2024 còn 2,8% (so cùng kỳ năm trước) vào tháng 3.

### **Trong điều kiện lạm phát giảm và tăng trưởng yếu đi, chính sách tiền tệ được nới lỏng.**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giảm lãi suất chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn tổng cộng ở mức 150-200 điểm cơ bản (bps) qua bốn lần cắt giảm lãi suất điều hành liên tục từ tháng 03 đến tháng 06/2023 xuống tương ứng còn 3% và 4,5%. Mặc dù lãi suất bị cắt giảm, tăng trưởng tín dụng vẫn đạt 13,7% trong năm 2023, chỉ thấp hơn ít so với mục tiêu của NHNN (14%), do tăng trưởng tín dụng tăng đáng kể trong quý IV, đóng góp đến một nửa tổng tăng trưởng tín dụng của năm. Mặc dù các biện pháp cho phép giãn hoãn thời gian trả nợ được tiếp tục có hiệu lực, nhưng chất lượng tài sản tài chính đang giảm đi khi nợ xấu tăng từ 1,9% trong tháng 12/2022 lên 4,55% trong tháng 12/2023.

### **Chính sách tài khóa tương đối mở rộng**

#### **Cân đối tài khóa được thực hiện theo hướng tương đối mở rộng trong năm 2023 thông qua việc thu ngân sách giảm đi và đầu tư công được đẩy mạnh để hỗ trợ nền kinh tế đang chững lại.**

Tổng thu ngân sách giảm 5,4% so với năm 2022, trong điều kiện số thu từ thuế năm 2023 giảm 13,8% (so cùng kỳ năm trước) chủ yếu do các hoạt động kinh tế chững lại. Đồng thời, tổng chi ngân sách năm 2023 tăng 12,8% (so cùng kỳ năm trước), chủ yếu vì đầu tư công được đẩy mạnh, lên đến 5,7% GDP (so với 4,6% GDP năm 2022). Mặc dù tình hình triển khai ngân sách đầu tư công được đẩy mạnh, nhưng những rào cản về thủ tục, bao gồm trong giải phóng mặt bằng, tái định cư, đấu thầu, cùng các yếu tố khác, khiến cho đầu tư công nhìn chung chưa hoàn thành dự toán, khi giải ngân mới chỉ đạt khoảng ba phần tư dự toán chi đầu tư được Quốc hội phê duyệt.

### **Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong những năm tới là tích cực, trong đó rủi ro và cơ hội đối với viễn cảnh dự báo nhìn chung ở thế cân bằng**

**Nền kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng 5,5% trong năm 2024.** Dự báo này được trên giả định xuất khẩu các mặt hàng chế tạo sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2024 (tăng 3,5% theo giá so sánh, so cùng kỳ năm trước), khi nhu cầu trên toàn cầu từng bước được cải thiện. Thị trường bất động sản được dự báo sẽ xoay chiều vào cuối năm 2024 và trong năm 2025 khi tình trạng đóng băng ở thị trường trái phiếu có dấu hiệu được giải tỏa. Trong điều kiện xuất khẩu và thị trường bất động sản từng bước phục hồi, nhu cầu trong nước sẽ theo hướng tăng trở lại khi các nhà đầu tư và người tiêu dùng lấy lại lòng tin, dự kiến tổng đầu tư cũng như tiêu dùng tư nhân (theo giá so sánh) sẽ tăng tương ứng ở mức 5,5% và 5,0%.

**Lạm phát được dự báo sẽ tăng nhẹ từ mức bình quân 3,2% năm 2023 lên 3,5% trong năm 2024,** chủ yếu do giá cả các mặt hàng được Nhà nước quản lý như giao dục và y tế dự kiến sẽ tăng, đóng góp tương ứng 6,2% và 5,4% về trọng số cho giỏ hàng hóa tính CPI. Lạm phát CPI sẽ giảm còn 3,0% trong năm 2025 và 2026 do kỳ vọng về giá cả năng lượng và nguyên liệu sẽ ổn định.

**Bảng 0.1: Một số chỉ số kinh tế, Việt Nam 2021-2026**

Chỉ số	2021	2022	2023e	2024f	2025f	2026f
Tăng trưởng GDP (%)	2,6	8,0	5,0	5,5	6,0	6,5
Chỉ số giá tiêu dùng (bình quân, %)	1,8	3,1	3,2	3,5	3,0	3,0
Cân đối tài khoản vãng lai (%GDP)	-2,2	-0,3	1,9	1,7	1,6	1,7
Cân đối ngân sách (*) (%GDP)	-1,4	-0,2	-1,2	-1,6	-1,1	-1,0
Nợ công và nợ được khu vực công bảo lãnh (**) (% GDP)	43,0	37,9	39,8	40,4	37,0	35,3

*Nguồn:* TCTK; Bộ Tài chính; NHNN; IMF; và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới.

*Ghi chú:* e = Ước; f = Dự báo, \*: Không bao gồm chi tiêu chưa phân bổ và áp dụng chuẩn Thống kê tài chính chính phủ (GFS),

\*\**:* Tính toán dựa trên Quyết định số 458/QĐ-TTg (ngày 28/04/2023) về kế hoạch vay và trả nợ công năm 2023 và giai đoạn 2023-2025, Nghị quyết số 105/2023/QH15 (ngày 10/11/2023) về dự toán 2024 của Chính phủ.

**Chính phủ dự kiến tiếp tục duy trì chính sách tài khóa theo hướng tương đối mở rộng trong năm 2024, nhưng sẽ quay lại thắt chặt chính sách tài khóa trong các năm sau đó.** Trong năm 2024, bội chi ngân sách được dự báo sẽ tăng lên 1,6% GDP do thu ngân sách tiếp tục yếu, còn chi ngân sách dự kiến sẽ tăng do kế hoạch tăng lương công chức và do các nỗ lực tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công. Sau đó, bội chi ngân sách được dự báo sẽ giảm còn 1,1% GDP trong năm 2025 và 1,0% GDP trong năm 2026.

**Rủi ro và cơ hội đối với triển vọng dự báo trên nhìn chung đang ở thế cân bằng.** Tăng trưởng thấp hơn dự kiến ở các nền kinh tế phát triển và Trung Quốc có thể làm giảm nhu cầu của nước ngoài đối với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Hơn nữa, căng thẳng địa chính trị và thiên tai liên quan đến khí hậu gia tăng sẽ làm tăng rủi ro cho Việt Nam. Trong nước, tốc độ phục hồi của thị trường bất động sản không được như dự báo có thể ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư, và ảnh hưởng đến đầu tư của khu vực tư nhân. Chất lượng tài sản trong khu vực tài chính tiếp tục xấu đi do thị trường bất động sản suy giảm có thể ảnh hưởng xấu đến triển vọng tăng trưởng khi vốn dự phòng, đặc biệt của một số ngân hàng thương mại quốc doanh lớn, đang tương đối mỏng. Nhìn theo hướng tích cực, tăng trưởng toàn cầu cao hơn dự kiến sẽ giúp xuất khẩu của Việt Nam phục hồi mạnh hơn dự kiến.

**Các biện pháp chính sách tài khóa mở rộng được duy trì có thể hỗ trợ phục hồi kinh tế, trong khi ổn định khu vực tài chính vẫn cần phải là ưu tiên hàng đầu**

**Hỗ trợ chính sách nên được tiếp tục để thúc đẩy phục hồi.** Tiếp tục duy trì những nỗ lực nhằm đẩy nhanh tốc độ giải ngân đầu tư công sẽ hỗ trợ cho tổng cầu trong ngắn hạn, đồng thời giúp thu hẹp khoảng cách thiếu hụt về hạ tầng đang phát sinh. Về chính sách tiền tệ, dư địa để tiếp tục cắt giảm lãi suất đã trở nên hạn chế hơn, do chênh lệch lãi suất giữa thị trường trong nước và quốc tế và do áp lực có thể gây ra đối với tỷ giá.

**Tiếp đà cải cách trong thời gian qua, các bước nhằm giảm nhẹ nguy cơ dễ tổn thương và rủi ro trong khu vực tài chính vẫn hết sức cấp thiết trong thời gian tới.** Các cấp có thẩm quyền có thể ban hành chính sách nhằm cải thiện hệ số an toàn vốn của các ngân hàng, đồng thời tăng cường khung thể chế về giám sát an toàn (bao gồm nhằm phát hiện và xử lý vấn đề phát sinh trong quan hệ sở hữu chéo giữa

ngân hàng và các tập đoàn doanh nghiệp), can thiệp sớm, xử lý ngân hàng yếu kém và quản lý khủng hoảng. Mặc dù Luật về các tổ chức tín dụng đã được cải thiện qua sửa đổi gần đây, nhưng vẫn còn bất cập ở một số nội dung, bao gồm về giám sát hợp nhất các tập đoàn có ngân hàng và các tổ chức tín dụng, thẩm quyền xử lý các ngân hàng yếu kém, và phòng vệ rủi ro pháp lý cho cán bộ giám sát. Ưu tiên đặt ra là cần tăng cường vai trò của NHNN trong các lĩnh vực trên trong những cải cách pháp lý sắp tới về khu vực tài chính, bao gồm qua sửa đổi Luật NHNN của Việt Nam.

**Cuối cùng, cải cách cơ cấu có vai trò thiết yếu nhằm duy trì triển vọng tăng trưởng trong dài hạn.** Ngoài cung cấp các gói hỗ trợ kinh tế trong ngắn hạn, tăng cường quản lý đầu tư công cũng có vai trò quan trọng nhằm xử lý những thiếu hụt về hạ tầng phát sinh, chẳng hạn trong các lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải và logistics, hiện đang trở thành rào cản ngày càng lớn đối với tăng trưởng. Bên cạnh đó, cải cách cơ cấu cần được triển khai nhằm tăng cường môi trường quản lý nhà nước trong các dịch vụ trọng yếu (công nghệ thông tin và truyền thông, điện lực, vận tải) để xanh hóa nền kinh tế, phát triển nguồn nhân lực, và cải thiện môi trường kinh doanh, bao gồm thông qua hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (nội dung này được bàn chi tiết hơn trong phần sau và Chương 2).

## CHUYÊN ĐỀ: ĐẨY MẠNH KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

**Việt Nam cần nâng cao năng suất của khu vực tư nhân trong nước nhằm hiện thực hóa nguyện vọng lớn lao là trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045, trong đó khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là một trong những động lực thiết yếu để đảm bảo tăng trưởng năng suất.** Các nghiên cứu trước đây đã đưa ra bằng chứng về tác động của khởi nghiệp đối với đổi mới sáng tạo<sup>3</sup> và tăng trưởng kinh tế.<sup>4</sup> Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đặc biệt có liên hệ với các quốc gia thu nhập trung bình, trong đó tăng trưởng năng suất thường dựa trên đổi mới sáng tạo và hấp thụ công nghệ. Điều này đặc biệt liên quan đến Việt Nam, khi các động lực tăng trưởng truyền thống đang dần không còn nữa. Tích lũy tư bản bị hạn chế vì đầu tư công tương đối thấp do chính sách tài khóa thận trọng và những thách thức trong triển khai, trong khi đó đóng góp của nguồn cung lao động cũng đang giảm xuống do lực lượng lao động đang già hóa nhanh chóng.

**Cải thiện điều kiện để các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được gia nhập và tăng trưởng, thông qua xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp thuận lợi có thể là cách để giúp tạo ra hàng loạt các doanh nghiệp có năng suất cao trong tương lai trong các lĩnh vực mới và hiện có.**

<sup>3</sup> Spender và đồng sự, 2017.

<sup>4</sup> Audretsch, Kielbach, và Lehmann 2006; Gries và Naudé 2009; và Aghion và đồng sự, 2009.

<sup>5</sup> Chương này được soạn thảo dựa trên báo cáo của Ngân hàng Thế giới "Đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam: Đánh giá phân tích về hệ sinh thái", là phân tích toàn diện nhất về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Việt Nam đến nay (Aridi và đồng sự, 2023).



Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều tiến triển về tạo môi trường thuận lợi để khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nhưng những thách thức trong hệ sinh thái khởi nghiệp đang làm cản trở sự gia nhập của các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và làm suy giảm tiềm năng tăng trưởng cao của các doanh nghiệp đó. Căn cứ vào nghiên cứu gần đây của Ngân hàng Thế giới,<sup>5</sup> chương về chuyên đề đặc biệt của ấn phẩm kỳ này sẽ chỉ ra những thách thức và giải pháp để tiếp tục thúc đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, đồng thời đề tăng tốc độ tăng trưởng dựa vào đổi mới sáng tạo:

- **Chất lượng và mức độ hỗ trợ của Nhà nước Việt Nam cho các doanh nhân khởi nghiệp và các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo nhìn chung còn thấp.** Gói chính sách hiện nay chưa hoàn thiện, chưa được đảm bảo vốn, còn manh mún và chưa gắn theo thông lệ tốt trên quốc tế. Nghị trình nhìn chung mới chỉ chú trọng các hoạt động xúc tiến, ưu đãi thuế cho nghiên cứu & phát triển, và phần lớn chỉ dành cho một số ít các doanh nghiệp đa quốc gia lớn. Hỗ trợ tài chính trực tiếp hầu như chưa được cung cấp cho doanh nhân khởi nghiệp hoặc các doanh nghiệp trong nước dưới bất kỳ hình thức nào. Chất lượng dịch vụ của các tổ chức trung gian khởi nghiệp của Nhà nước (các trung tâm vườn ươm, tăng tốc khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo) còn thấp. Điều này làm ảnh hưởng đến các nỗ lực của Chính phủ nhằm hình thành một loạt các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo sẵn sàng tiếp nhận đầu tư.
- **Mặc dù đã có những nỗ lực cải cách trong thời gian qua, nhưng các doanh nhân khởi nghiệp và các nhà đầu tư còn phải đối mặt với những rào cản trong các quy định.** Thủ tục xin giấy phép con trong một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh còn phiền hà, do thiếu rõ ràng về tính chất pháp lý của vô số các lĩnh vực sản xuất kinh doanh bị hạn chế đầu tư. Đối với các nhà đầu tư trong nước, khung pháp lý về đăng ký thành lập quỹ đầu tư còn chưa hoàn thiện và còn hạn chế. Ngoài ra, cơ chế về quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ chưa được bám sát thông lệ tốt nhất trên toàn cầu, còn bị ảnh hưởng do mâu thuẫn và thiếu đồng bộ trong chính sách, gây cản trở chuyển giao công nghệ.
- **Tuy là nguồn cung nhân tài và kỹ năng nhằm đẩy mạnh tăng trưởng hệ sinh thái khởi nghiệp, nhưng các trường đại học và viện nghiên cứu của Nhà nước lẽ ra phải đem lại tác động lớn hơn thông qua chuyển giao công nghệ, hợp tác với doanh nghiệp và hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp mới.**<sup>6</sup> Các trường đại học và viện nghiên cứu của Nhà nước cũng đang đối mặt với những hạn chế về nguồn nhân lực và tài lực, dẫn đến hạn chế về đóng góp của họ cho những đổi mới sáng tạo trên thị trường.
- **Thách thức của các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là tìm kiếm nhân tài có kỹ năng, cán bộ quản lý cấp trung và lãnh đạo cấp cao.**<sup>7</sup> Việt Nam có nền tảng vững chắc về nhân tài cấp kỹ thuật, nhưng các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn nước ngoài đang phải cạnh tranh ngày càng gay gắt để tìm kiếm lao động có kỹ năng. Mặc dù các trường đại học đã làm tốt việc đào tạo ra người giỏi chung về kỹ thuật và lập trình, nhưng hệ thống giáo dục của Việt Nam hiện chưa có đủ nguồn lực tài chính để nhân rộng nguồn cung lao động có kỹ năng kỹ thuật, qua đó hạn chế sự phát triển của các doanh nghiệp hoạt động dựa vào tri thức. Kỹ năng có được hiện cũng chưa phù hợp với nhu cầu trên thị trường.

<sup>6</sup> Doanh nghiệp khởi nghiệp mới của cơ sở nghiên cứu là doanh nghiệp khởi nghiệp do các khoa của trường đại học, cán bộ nghiên cứu hoặc sinh viên thành lập ra để tiếp tục phát triển và thương mại hóa tài sản trí tuệ.

<sup>7</sup> Đó là các vị trí như tổng giám đốc điều hành, tổng giám đốc tác nghiệp, tổng giám đốc tài chính và tổng giám đốc công nghệ.

- **Nhiều nhóm khởi nghiệp gặp khó khăn trong các khía cạnh về vận hành doanh nghiệp, chẳng hạn trong phát triển sản phẩm phù hợp với thị trường, xây dựng chiến lược tăng trưởng và làm việc theo nhóm.** Nhu cầu đặt ra là cần có các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp có thể cung cấp các chương trình đào tạo, hướng dẫn và tăng tốc tốt hơn và phù hợp với nhu cầu cụ thể hơn, nhằm giúp các doanh nhân sẵn sàng phát triển sản phẩm mới và vận hành doanh nghiệp.
- **Dòng vốn đầu tư mạo hiểm tăng trưởng mạnh, nhưng các công ty ở giai đoạn ban đầu vẫn đang thiếu vốn.** Mặc dù Việt Nam được chứng kiến dòng vốn đầu tư và các quỹ đầu tư mạo hiểm quốc tế ào ạt đổ vào, lên đến 1,5 tỷ USD trong năm 2021, nhưng các hoạt động khởi nghiệp giai đoạn ban đầu rõ ràng vẫn thiếu vốn. Điều này đặc biệt đúng đối với các doanh nghiệp hoạt động dựa vào tri thức và sở hữu trí tuệ, thường có tính chất rủi ro cao hơn, đòi hỏi nguồn vốn dài hạn hơn và lớn hơn để phát triển các sản phẩm đảm bảo khả thi tối thiểu. Các nhà đầu tư thiên thần, thường có vai trò chính trong cấp vốn giai đoạn ban đầu, còn khan hiếm và chưa chuyên nghiệp.
- **Thị trường vốn đầu tư mạo hiểm còn phụ thuộc nhiều vào các nhà đầu tư và nguồn vốn nước ngoài,** nên dễ bị tổn thương với các cú sốc trên các thị trường vốn toàn cầu, phần nào là nguyên nhân khiến cho dòng vốn đầu tư mạo hiểm giảm mạnh trong năm 2022. Các nhà đầu tư trong nước ở Việt Nam đang phải đối mặt với hạn chế trong các hoạt động của họ và chưa có động lực tham gia đầu tư mạo hiểm..

Những phát hiện trên là căn cứ để đưa ra những khuyến nghị chính sách nhằm cải thiện kết quả khởi nghiệp và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia vào quỹ đạo tăng trưởng cao:

- **Tái định hướng Đề án 844 chủ đạo của quốc gia về "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đến năm 2025" nhằm hướng tới xây dựng đội ngũ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sẵn sàng tiếp nhận đầu tư.** Trong đó, nhu cầu đặt ra là cần nâng cấp các công cụ hỗ trợ chính - chẳng hạn hỗ trợ cho vườn ươm ở các trường đại học và trung tâm đổi mới sáng tạo - cho phù hợp với các thông tốt trên quốc tế. Bên cạnh đó là nhu cầu cần thu hút các doanh nhân và quỹ đầu tư đủ tiêu chuẩn nhằm vận hành các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp và thiết lập các quỹ hỗ trợ giai đoạn ban đầu trong nước, đồng thời tăng cường năng lực cho các bên liên quan chính trong hệ sinh thái.
- **Xử lý những rào cản pháp quy thông qua cải cách nhằm rút gọn thủ tục.** Các bước chính bao gồm sửa đổi văn bản pháp luật về thành lập quỹ đầu tư trong nước (Nghị định số 38) đồng thời đơn giản hóa thủ tục về đầu tư bên trong và ra ngoài, cụ thể đối với doanh nghiệp quy mô nhỏ trong các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.
- **Tăng cường đóng góp của các viện nghiên cứu của Nhà nước cho nghị trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.** Điều này đòi hỏi hiện đại hóa cơ chế về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, tăng cường đánh giá hiệu quả thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đồng thời tăng cường năng lực về chuyển giao công nghệ tại các trường đại học và viện nghiên cứu chủ chốt của Nhà nước.

# Chương 1.

Diễn biến kinh tế và triển vọng

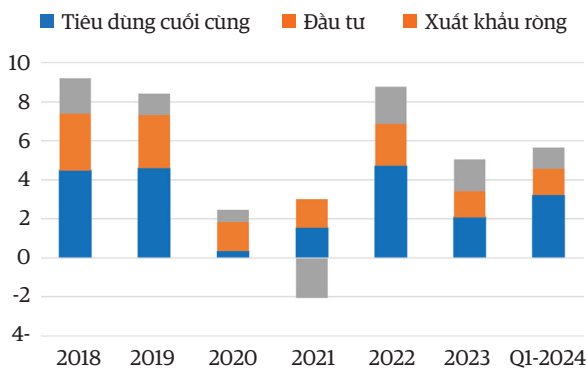


# 1. DIỄN BIẾN KINH TẾ GẦN ĐÂY

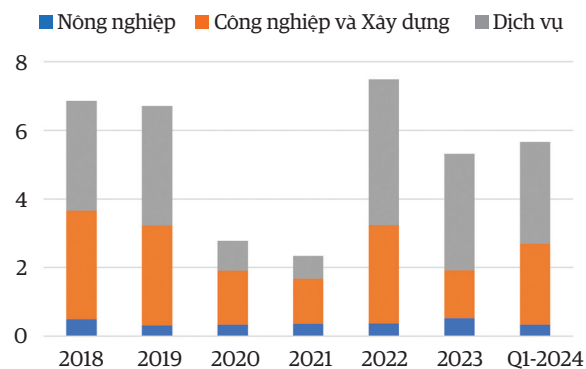
## Tăng trưởng của Việt Nam giảm đà đáng kể trong năm 2023

**Tăng trưởng GDP theo giá so sánh giảm còn 5% trong năm 2023 từ mức 8% trong năm 2022, trong đó ba động lực tăng trưởng - xuất khẩu, tiêu dùng và đầu tư của tư nhân trong nước - đều mất đà.** Nhu cầu ở các thị trường xuất khẩu chủ lực hạ nhiệt dẫn đến kim ngạch xuất khẩu giảm 2,5% (so cùng kỳ năm trước). Xuất khẩu ròng hàng hóa và dịch vụ (nghĩa là xuất khẩu trừ nhập khẩu) tuy giảm, nhưng vẫn đóng góp 1,6 điểm phần trăm cho tăng trưởng GDP do nhập khẩu cũng giảm mạnh (-4,3% so cùng kỳ) trong điều kiện nhu cầu trong nước yếu đi. Đồng thời, các lĩnh vực chế tạo xuất khẩu thâm dụng lao động chứng lại làm cho tình hình thị trường lao động yếu đi, dẫn đến tăng trưởng thu nhập thực của các hộ gia đình bị giảm, ảnh hưởng đến tiêu dùng. Tăng trưởng tiêu dùng tư nhân năm 2023 giảm mạnh còn 3,5% (so cùng kỳ năm trước), từ mức 7,2% (so cùng kỳ năm trước) trong năm 2022. Trong khi đó, do thị trường bất động sản vẫn tiếp tục trầm lắng, tốc độ tăng đầu tư của khu vực tư nhân trong nước giảm còn 2,8% (so cùng kỳ năm trước) kéo tốc độ tăng tổng đầu tư giảm còn 4,1% trong năm 2023 so với 5,8% trong năm 2022, cho dù đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn giữ vững và đầu tư công cải thiện (Hình 1.1).

**Hình 1.1: Đóng góp cho tăng trưởng GDP theo các yếu tố tổng cầu**  
Điểm phần trăm



**Hình 1.2: Đóng góp cho tăng trưởng GDP theo lĩnh vực sản xuất**  
Điểm phần trăm



Nguồn: TCTK và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới

**Về lĩnh vực sản xuất, sản xuất công nghiệp là yếu tố khiến cho tăng trưởng chứng lại.** Do nhu cầu về các mặt hàng xuất khẩu giảm và thị trường bất động sản ảm đạm (Hộp 1.1), khu vực công nghiệp (công nghiệp và xây dựng) chỉ tăng nhẹ 3,7%, đóng góp 1,4 điểm phần trăm (hoặc 28%) cho tăng trưởng GDP năm 2023, so với 7,8% năm 2022. Sản xuất công nghiệp trong năm chỉ tăng 1,5%, trong khi Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) luôn ở vùng suy giảm trong suốt 10 tháng.<sup>8</sup> Tăng trưởng hàng tồn kho sản xuất đã tăng từ 13,9% (so cùng kỳ năm trước) vào tháng 12 năm 2022 lên 19,8% (so cùng kỳ năm trước)

vào tháng 12 năm 2023. Trong khi đó, tăng trưởng ở khu vực dịch vụ giảm còn 6,8% trong năm 2023 so với 10% năm 2022, đóng góp 3,4 điểm phần trăm (hoặc 67%) cho tăng trưởng GDP chung năm 2023 (Hình 1.2). Nhìn vào đóng góp của khu vực dịch vụ cho tăng trưởng GDP, ta có thể thấy thương mại bán buôn và bán lẻ chững lại nhiều hơn mức bù đắp từ tốc độ phục hồi về số lượt du khách trong nước và nước ngoài.<sup>9</sup> Khu vực nông nghiệp tăng 3,8% năm 2023, so với 3,4% năm 2022, đóng góp 0,5 điểm phần trăm cho tăng trưởng GDP theo giá so sánh.

### **Nền kinh tế có các dấu hiệu trái chiều trong phục hồi vào đầu năm 2024**

**Trong quý đầu tiên của năm 2024, nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi tạm thời, một phần do hiệu ứng xuất phát điểm thấp trong xuất khẩu, trong khi tiêu dùng và đầu tư phục hồi dần dần.** Nền kinh tế đạt mức tăng trưởng 5,7% (so với cùng kỳ năm trước). Xuất khẩu hàng hóa phục hồi mạnh mẽ, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước trong quý đầu tiên của năm 2024 so với -11,6% so với cùng kỳ năm trước trong quý I năm 2023, nhờ xuất khẩu sang Mỹ và Khu vực châu Âu tăng mạnh (tăng tương ứng 25,5% và 16,3% so với cùng kỳ năm trước).<sup>10</sup> Phản ánh sự phục hồi này, khu vực công nghiệp đã tăng trưởng 6,3% so với cùng kỳ năm trước trong quý đầu tiên của năm 2024 so với mức giảm 0,3% trong cùng kỳ năm 2023. Trong khi đầu tư theo giá so sánh tăng 4,7% (so cùng kỳ năm trước) so với mức tăng trưởng bằng 0 của quý 1 năm 2023 nhờ đầu tư FDI mạnh mẽ, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng vẫn thấp hơn tốc độ tăng trưởng trong giai đoạn trước đại dịch (6,2% trong quý 1 năm 2019).<sup>11</sup> Chỉ số Nhà quản lý Mua hàng (PMI) dao động quanh mức 50 trong quý đầu tiên của năm 2024, báo hiệu sự phục hồi mong manh. Trong khi đó, tiêu dùng nội địa tăng 4,9% trong quý 1 năm 2024 so với 3,0% một năm trước, vẫn thấp hơn nhiều so với giai đoạn trước đại dịch (7,1% trong quý 1 năm 2019) do việc làm và tăng trưởng thu nhập vẫn chậm chạp. Do đó, khu vực dịch vụ đã chậm lại trong quý I năm 2024, đạt mức tăng trưởng 6,1% (so cùng kỳ năm trước) so với 6,9% (so cùng kỳ năm trước) trong quý I năm 2023. Ngành nông nghiệp tiếp tục phát triển theo xu hướng.

### **Tăng trưởng kinh tế hạ nhiệt gây ảnh hưởng thị trường lao động và tăng trưởng thu nhập và tiêu dùng**

**Tăng trưởng việc làm giảm còn thu nhập thực bình quân tháng chững lại.** Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động được duy trì ở mức 68,9% trong suốt năm 2023 và quý I/2024, vẫn thấp hơn so với mức bình quân trước COVID (71,1%). Tổng tăng trưởng việc làm giảm mạnh từ 2,2% (so cùng kỳ) vào quý I/2023 xuống 0,8% (so cùng kỳ) vào quý I/2024 (Hình 1.3), không đạt mức bình quân trước

<sup>8</sup> Nguồn số liệu tồn kho sản xuất: TCTK và ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới

<sup>9</sup> Theo TCTK, dịch vụ du lịch và lưu hành năm 2023 tăng 54,1%, còn dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 14,7%, so với mức tương ứng 265,1% và 47,9% trong năm 2022. Số lượt du khách nước ngoài tăng trên ba lần, lên đến 12,6 triệu lượt năm 2023, so với 3,7 triệu vào năm 2022. Số lượt khách nước ngoài phục hồi là nhờ nói lỏng các yêu cầu xin thị thực vào tháng 08/2023, góp phần làm tăng thêm trên một triệu lượt khách nhập cảnh mỗi tháng từ tháng 08 đến tháng 12.

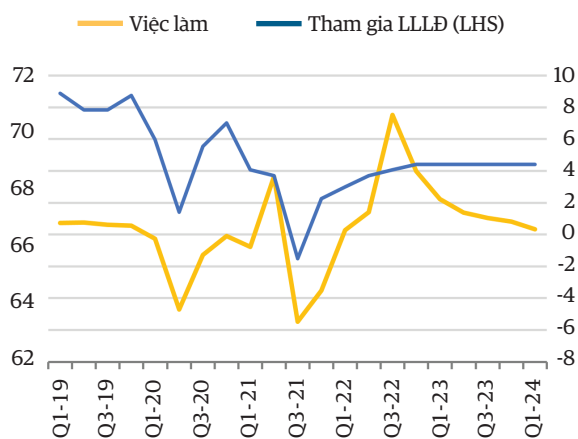
(Vietnamreport.net.vn: <https://vietnamreport.net.vn/Nganh-du-lich-phuc-hoi-manh-me-va-don-dau-xu-huong-tang-truong-moi-10733-1067.html>). Số lượt khách trong nước cũng tăng từ 101,3 triệu năm 2022 lên 108 triệu năm 2023.

<sup>10</sup> Nguồn: Bộ Công thương

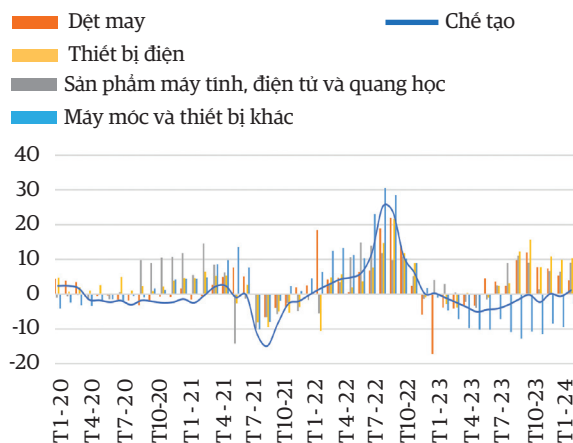
<sup>11</sup> Theo giá trị danh nghĩa, đầu tư tăng 5,2% so với cùng kỳ trong quý 1 năm 2024 so với 3,7% so với cùng kỳ trong quý 1 năm 2023, một lần nữa do đóng góp mạnh mẽ của FDI (1,6 điểm phần trăm), trong khi đầu tư công vẫn ở mức thấp (0,6 điểm phần trăm) điển hình trong quý đầu năm, và tăng trưởng đầu tư tư nhân vẫn ở mức yếu (2,7 điểm phần trăm). Dữ liệu từ TCTK, Việt Nam.

COVID là 4%. Việc làm trong các lĩnh vực chế tạo giảm trong suốt năm 2023, chạm đáy vào tháng 5 (-5,1% so cùng kỳ năm trước), dẫn đến mức giảm 2,3% cho cả năm (Hình 1.4). Điều này phần nào phản ánh tình trạng quay về mức bình thường sau hiệu ứng xuất phát điểm vào năm 2022, nhất là trong trường hợp lĩnh vực chế tạo máy móc thiết bị, và phần nào phản ánh tình trạng xuất khẩu các mặt hàng chế tạo chạm đáy vào tháng 5/2023 (-18,1% so cùng kỳ năm trước) trước khi xuất khẩu dần phục hồi vào nửa cuối của năm 2023 và đầu năm 2024. Trong khi đó, tăng trưởng thu nhập thực bình quân hàng tháng giảm còn khoảng 1,3% trong giai đoạn 2022-2023 so với mức trung bình 8,3% trong giai đoạn 2017-2019. Tăng trưởng thu nhập giảm tương đương với việc người lao động mất đi khoản tăng thu nhập khoảng 561.000 VND mỗi tháng trong hai năm qua.

**Hình 1.3: Việc làm**  
Tỷ lệ % (so cùng kỳ năm trước)



**Hình 1.4: Tăng trưởng việc làm trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo**  
Tỷ lệ % (so cùng kỳ năm trước)



Nguồn: TCTK và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới

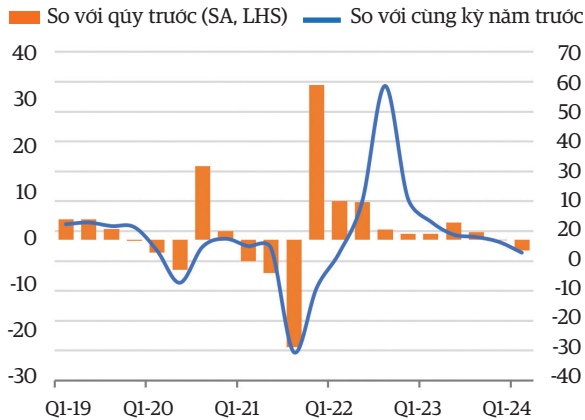
**Tăng trưởng việc làm năm 2023 và thu nhập chứng lại gây ảnh hưởng tiêu cực đến tiêu dùng của hộ gia đình.** Sau khi quay lại mức bình thường cuối thời kỳ phục hồi hậu COVID trong quý đầu năm 2023, tăng trưởng doanh số bán lẻ<sup>12</sup> - là chỉ số trung gian về tiêu dùng của tư nhân trong nước - tiếp tục giảm còn 2,7% (so cùng kỳ năm trước) vào quý I/2024, thấp hơn so với mức trước đại dịch (Hình 1.5). Tăng trưởng giảm là do tiêu dùng cuối cùng giảm mạnh trong năm 2023 còn 3,5% (so cùng kỳ năm trước) từ mức 7,2% (so cùng kỳ năm trước) của năm 2022. Tiêu dùng cuối cùng được nhìn nhận là đang phục hồi dần trong quý đầu năm 2024 (4,9% so cùng kỳ năm trước) (Hình 1.6), hiện tượng này có vẻ lạ khi nhìn vào dữ liệu doanh số bán lẻ, vì vậy có thể nói là quá trình tiêu dùng phục hồi còn mong manh. Quan điểm này càng được củng cố khi nhìn vào khảo sát người tiêu dùng vào tháng 1/2024, cho thấy Chỉ số lòng tin người tiêu dùng (CCI) đã yếu đi trong năm 2023 (57 vào tháng 1/2023 so với 54 vào tháng 6/2023) và chạm đáy mới ở mức 51 vào tháng 1/2024.<sup>13</sup> Khảo sát trên cũng

<sup>12</sup> Doanh số bán lẻ tăng 15,0% (so cùng kỳ năm trước) trong quý I năm 2024.

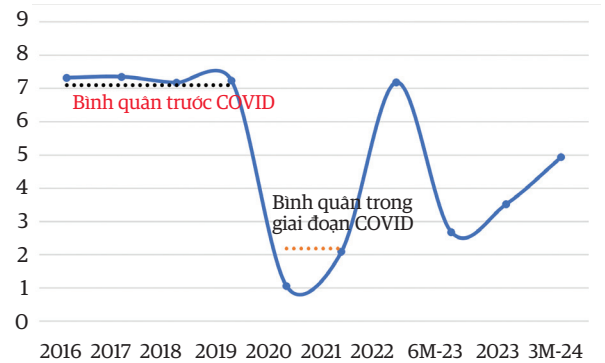
<sup>13</sup> Infocus Mekong Research, Báo cáo chỉ số lòng tin người tiêu dùng của IFM, tháng 1/2024. Khảo sát 1.026 người trả lời qua điện thoại di động. Chỉ số này dựa trên 11 nội dung chi tiêu của người tiêu dùng xét theo chi tiêu "cao hơn - như cũ - thấp hơn" so với kỳ trước đó.

cho thấy chi tiêu lớn của hộ gia đình cho hàng hóa sử dụng lâu bền, bao gồm thiết bị gia dụng, hàng điện tử cá nhân và xe hơi trong năm 2023 đã giảm so với 2022.<sup>14</sup> Xu hướng trên đã được khẳng định qua số liệu công nghiệp, bao gồm của Hiệp hội Nhà Sản xuất Ô-tô Việt Nam và Hiệp hội Nhà Sản xuất Xe máy Việt Nam.<sup>15</sup>

**Hình 1.5. Tăng trưởng doanh số bán lẻ**  
Tỷ lệ %



**Hình 1.6. Tăng trưởng của tiêu dùng cuối cùng**  
Tỷ lệ % (so cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Nguồn: TCTK và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới

<sup>14</sup> Như trên.

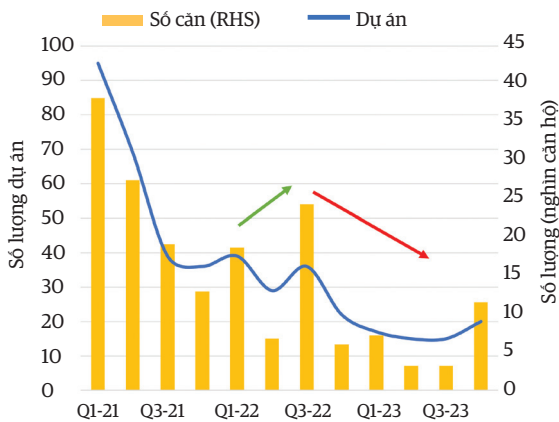
<sup>15</sup> Số liệu của Hiệp hội Nhà Sản xuất Ô-tô Việt Nam và Hiệp hội Nhà Sản xuất Xe máy Việt Nam cho thấy doanh số suy giảm mạnh trong năm 2023. Tổng doanh số bán xe ô-tô năm 2023 thấp hơn 25% so với năm 2022 (<http://vama.org.vn/Data/upload/files/2023/Th%C3%A1ng%2012/Cover%20Letter%20Sales%20report%20-%20December-%20VIE.pdf>), trong khi đó doanh số bán xe máy trong chín tháng đầu năm 2023 thấp hơn 15,5% so với cùng kỳ năm 2022 (<https://vamm.vn/bao-cao-ban-hang-1/>).

## Hộp 1.1:

### Thị trường bất động sản trầm lắng và tác động đến nền kinh tế

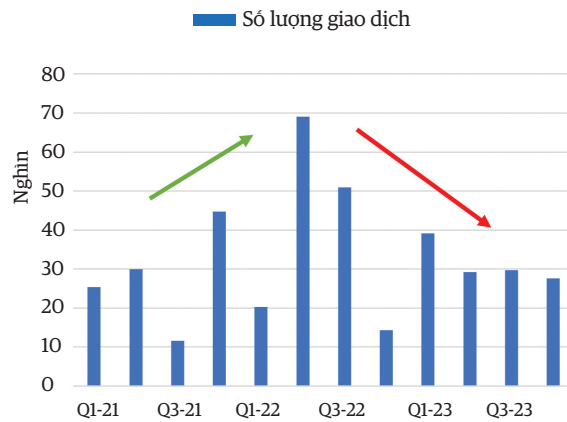
**Thị trường bất động sản trải qua đợt suy giảm mạnh kể từ cuối năm 2022, do các yếu tố cả phía cung và phía cầu.** Về phía cung, do mất lòng tin trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp sau vụ bê bối của Ngân hàng Thương mại Sài Gòn (SCB) vào tháng 10/2022 và do các cấp có thẩm quyền triển khai các biện pháp phòng ngừa nhằm cải thiện khung thể chế về trái phiếu, lượng phát hành giảm đột ngột gây hạn chế nguồn tài chính cho các nhà đầu tư bất động sản thương mại. Hạn chế tài chính càng làm trầm trọng thêm tình trạng chậm trễ lâu nay trong thủ tục chứng nhận quyền sử dụng đất và xin giấy phép xây dựng. Hệ quả là số lượng các dự án và công trình nhà ở dân cư mới được cấp phép giảm mạnh trong năm 2023 so với các năm từ 2020-2022 (Hình B1.1). Số liệu cũng cho thấy trong các năm 2022 và 2023, có trên 2.400 doanh nghiệp bất động sản bị giải thể và trên 6.200 doanh nghiệp bất động sản tạm ngừng hoạt động, cao hơn 80% so với giai đoạn đại dịch COVID-19 (Hình B1.3). Về phía cầu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tăng lãi suất vào tháng 10/2022 nhằm giảm áp lực với tỷ giá, đồng thời vụ việc của Ngân hàng Thương mại Sài Gòn (SCB) khiến cho người mua mất lòng tin, ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của họ. Hệ quả là, khối lượng giao dịch trên thị trường nhà ở giảm từ quý IV năm 2022 đến hết năm 2023, so với giai đoạn 2021-2022 (Hình B1.2).

**Hình B1.1: Nhà ở dân cư (được cấp phép xây mới)**

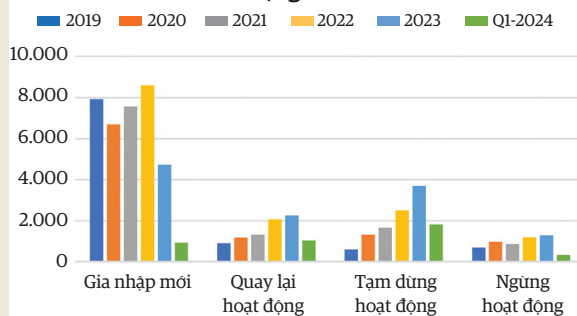


Nguồn: Bộ Xây dựng

**Hình B1.2: Số lượng giao dịch**

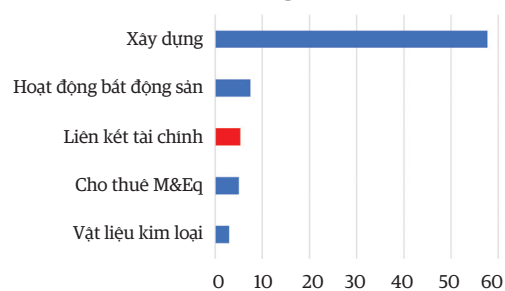


**Hình B1.3: Gia nhập và thoái lui của doanh nghiệp bất động sản**



Nguồn: TCTK

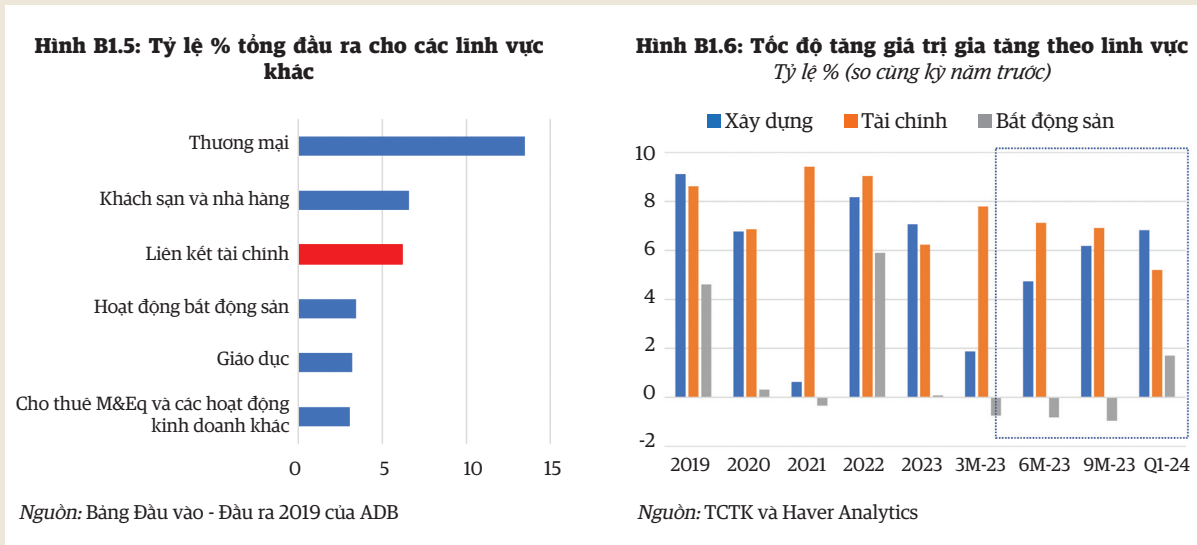
**Hình B1.4: Tỷ lệ % tổng đầu vào của ngành bất động sản**



Nguồn: Bảng Đầu vào - Đầu ra 2019 của ADB

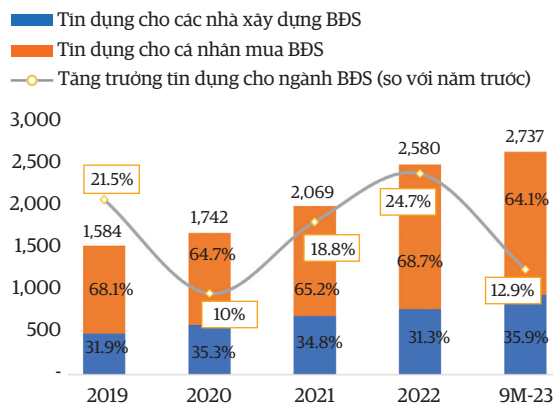


**Do tính chất liên kết giữa các ngành kinh tế, bất động sản trầm lắng ảnh hưởng đến cả các lĩnh vực khác có liên kết với ngành bất động sản trong nền kinh tế.** Mặc dù lĩnh vực xây dựng giảm tăng trưởng do bất động sản suy giảm, nhưng đầu tư công tăng đến 22% (so cùng kỳ năm trước) trong năm 2023 đã giúp giảm nhẹ tác động. Chính vì vậy, tăng trưởng trong lĩnh vực xây dựng giảm còn 6,8% (so cùng kỳ năm trước) so với tốc độ bình quân 8,7% trong giai đoạn 2017-2019. Đối với các ngành sử dụng đầu vào từ ngành bất động sản, mối quan hệ chặt chẽ giữa bất động sản với ngành bán buôn và bán lẻ (đầu vào của lĩnh vực bất động sản chiếm 13,5% chi tiêu sau khi mua nhà, chẳng hạn sơn sửa và mua sắm đồ đạc), phần nào lý giải cho tốc độ tăng doanh số bán lẻ còn âm đậm từ giữa đến cuối năm 2023 (Hình B1.4).



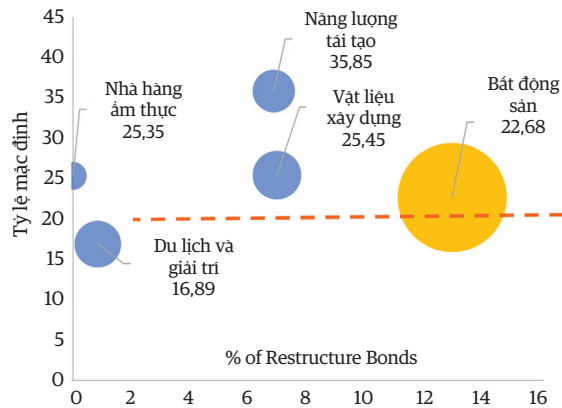
**Mối quan hệ chặt chẽ giữa hệ thống tài chính và lĩnh vực bất động sản cho thấy những rủi ro lớn về tài chính - vi mô ở Việt Nam.** Giữa thị trường tài chính và thị trường bất động sản có tác động lan tỏa hai chiều. Bất định trên thị trường tài chính ảnh hưởng đến lĩnh vực bất động sản đang sử dụng đòn bẩy quá cao qua hạn chế về thanh khoản, nhất là trong năm 2022, khi lãi suất tăng cao. Ngược lại, thị trường bất động sản trầm lắng làm tăng rủi ro tài chính do nguy cơ lớn từ phía các nhà đầu tư bất động sản, vốn vay bất động sản và tài sản thế chấp là bất động sản. Để đáp ứng tốc độ tăng trưởng cao trên thị trường bất động sản từ 2021 đến giữa 2022, được thể hiện qua số lượng lớn các dự án được cấp phép mới và số lượng các giao dịch (Hình B1.2), tín dụng ngân hàng dành cho lĩnh vực bất động sản tăng tương ứng 18,8% và 24,7% trong các năm 2021 và 2022, cao hơn nhiều so với các năm 2019 và 2020 (Hình B1.7). Khối lượng trái phiếu phát hành của các doanh nghiệp đầu tư bất động sản cũng tăng vọt từ 60,9 ngàn tỷ VND năm 2019 lên 270,1 ngàn tỷ VND năm 2021. Kết quả là lĩnh vực bất động sản có giá trị dư nợ trái phiếu cao nhất (bình quân chiếm 30% tổng dư nợ trái phiếu) và chiếm bình quân 20% tổng tín dụng trong các năm 2020-2022. Giao dịch bất động sản chững lại do cầu yếu đi (Hình B1.2) kết hợp với chi phí huy động vốn tăng cao do tăng lãi suất vào cuối năm 2022 dẫn đến lợi nhuận của các doanh nghiệp đầu tư bất động sản suy giảm. Ngoài ra, sau khi các vụ việc gian lận ở một số tập đoàn bất động sản lớn bị phát hiện, nguồn phát hành trái phiếu bị ngừng đột ngột trong năm 2022, dẫn đến căng thẳng tài chính trong số các doanh nghiệp đầu tư bất động sản có tỷ lệ đòn bẩy cao. Hệ quả là đến cuối tháng 11/2023, lĩnh vực bất động sản chiếm trên 70% các trường hợp mất khả năng trả nợ trái phiếu (Hình B1.8). Nợ xấu trong lĩnh vực bất động sản cũng tăng từ 1,7% năm 2022 lên 2,7% vào tháng 12 năm 2023 (nguồn: NHNN).

**Hình B1.7: Tín dụng ngân hàng dành cho lĩnh vực bất động sản**  
Tỷ VND



Nguồn: Fiigroup Research

**Hình B1.8: Hệ số mất khả năng trả nợ: trái phiếu ngoài ngân hàng**  
Phần trăm



**Các cấp có thẩm quyền đã công bố hàng loạt biện pháp nhằm ứng phó với căng thẳng trong lĩnh vực bất động sản và khu vực tài chính.** Các chính sách hỗ trợ mới đây - chẳng hạn giảm lãi suất chính sách<sup>16</sup>, ban hành Nghị quyết số 33/2023/NQ-CP<sup>17</sup>, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP<sup>18</sup> và Thông tư số 02/2023/TT-NHNN<sup>19</sup> - dự kiến sẽ giúp các tổ chức phát hành đăng gặp khó khăn thông qua các hoạt động tái cơ cấu nợ, phát hành trái phiếu mới để đảo nợ, hoặc tạo thuận lợi cho lĩnh vực bất động sản tiếp cận vốn.

## Mặc dù gặp nhiều khó khăn từ kinh tế toàn cầu, vị thế kinh tế đối ngoại của Việt Nam vẫn được cải thiện trong năm 2023

**Cán cân thanh toán ghi nhận thặng dư ở mức 1,3% GDP trong năm 2023, nhờ thặng dư lớn trong tài khoản vãng lai.** Thặng dư cán cân thanh toán của năm 2023 như vậy là rất tốt so với thâm hụt ở mức 5,6% GDP trong ba quý đầu năm 2022. Thặng dư tài khoản vãng lai lên đến 6,7% GDP trong năm 2023, so với thâm hụt ở mức 0,3% GDP năm 2022. Lý do là vì cán cân thương mại hàng hóa thặng dư lớn (10% GDP), dòng kiều hối đứng vững (ước bằng khoảng 3,1% GDP) trong khi tài khoản thương mại dịch vụ chỉ thâm hụt nhẹ (còn -2,2% GDP năm 2023 so với -3,1% GDP năm 2022). Thặng dư thương mại hàng hóa tăng lên là do nhập khẩu giảm (-14,1% so cùng kỳ năm trước), mạnh hơn so với tốc độ giảm xuất khẩu (-8,5% so

<sup>16</sup> Đợt cắt giảm đầu tiên: Quyết định số 313/QĐ-NHNN (ngày 14/03/2023), Đợt cắt giảm thứ hai: Quyết định số 574/QĐ-NHNN (ngày 31/03/2023), Đợt cắt giảm thứ ba: Quyết định số 950/QĐ-NHNN (ngày 23/05/2023), Đợt cắt giảm thứ tư: Quyết định số 1123/QĐ-NHNN (ngày 16/06/2023).

<sup>17</sup> Nghị quyết số 33/2023/NQ-CP (ngày 11/03/2023) về giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản.

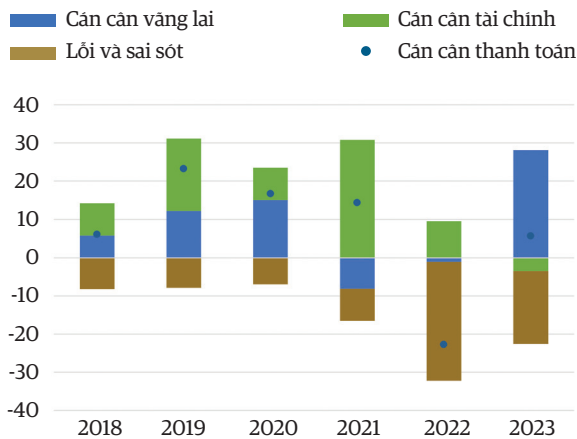
<sup>18</sup> Nghị định số 08/2023/NĐ-CP (ngày 05/03/2023) về sửa đổi, bổ sung và ngừng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về phát hành riêng lẻ và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ.

<sup>19</sup> Thông tư số 02/2023/TT-NHNN (ngày 23/04/2023) hướng dẫn các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tái cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ bên vay gặp khó khăn.

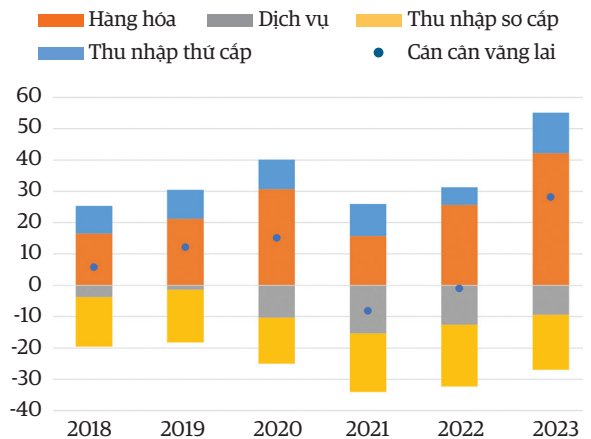
cùng kỳ năm trước). Thâm hụt thương mại dịch vụ giảm là do số lượt du khách quốc tế phục hồi mạnh mẽ, lên đến gần 12,6 triệu lượt khách trong năm 2023 so với 3,7 triệu năm 2022.

**Mật khác, tài khoản tài chính bị thâm hụt nhẹ ở mức 0,8% GDP trong năm 2023.** Thâm hụt là do dòng vốn ngắn và trung hạn chảy ra nước ngoài (-5,5% GDP) cao hơn so với dòng vốn giải ngân đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn đứng vững (ở mức 4,6% GDP) (Hình 1.9). Chênh lệch kéo dài giữa lãi suất trong nước và quốc tế có lẽ đã góp phần dẫn đến dòng vốn rút ròng chảy ra nước ngoài. Bên cạnh đó, Việt Nam tiếp tục ghi nhận khoản mục sai sót ròng ở mức cao (4,5% GDP cho năm 2023), phần nào phản ánh dòng vốn tiếp tục bị chảy ra nước ngoài nhưng chưa được ghi nhận (Hình 1.7).

**Hình 1.7: Cán cân thanh toán**  
Tỷ USD

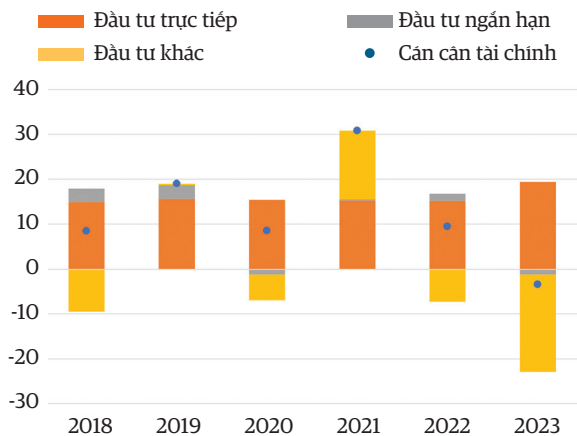


**Hình 1.8: Cán đối tài khoản vãng lai**  
Tỷ USD



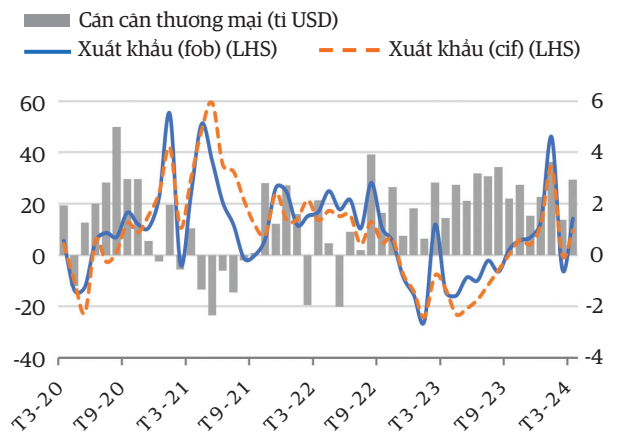
Nguồn: NHNN và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới

**Hình 1.9: Cán đối tài khoản tài chính**  
Tỷ USD



Nguồn: NHNN và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới

**Hình 1.10: Cán cân thương mại hàng hóa**  
Tỷ lệ % (so cùng kỳ)



Nguồn: TCTK, Haver Analytics và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới

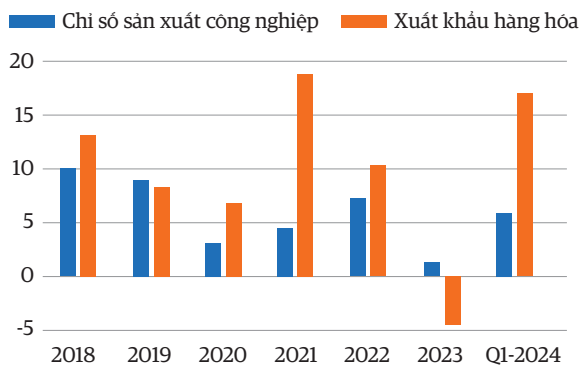
Ghi chú: fob = giá giao lên tàu; cif = giá thành, bảo hiểm và cước phi; LHS = thang bên trái

**Mặc dù có thặng dư thương mại hàng hóa dương lớn nhưng nhu cầu bên ngoài yếu hơn đã ảnh hưởng tiêu cực lên xuất khẩu hàng công nghiệp chế tạo của Việt Nam trong năm 2023.** Xuất khẩu hàng hóa giảm (-4,5% so cùng kỳ năm trước) gây ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất công nghiệp (Hình 1.11) và chủ yếu do sự sụt giảm xuất khẩu của các mặt hàng công nghiệp chế tạo chính (Hình 1.12) sang các thị trường chủ lực, như Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu và ASEAN.<sup>20</sup> Kim ngạch xuất khẩu của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giảm 5,8%, so với mức giảm nhẹ chỉ 0,3% đối với kim ngạch xuất khẩu của khu vực trong nước, điều đó cho thấy Việt Nam đang hội nhập vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Tốc độ giảm xuất khẩu chậm dần vào tháng 4/2023 (-15,9% so cùng kỳ năm trước) trước khi phục hồi dần từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Tổng nhập khẩu hàng hóa cũng diễn biến tương tự, nhưng nhập khẩu giảm mạnh hơn so với xuất khẩu, chậm dần ở mức 23% (so cùng kỳ năm trước) vào tháng 4 năm 2023 và giảm 9,1% (so cùng kỳ năm trước) trong cả năm 2023 vì cả nhu cầu trong nước về các mặt hàng nhập khẩu và nhu cầu nhập khẩu đầu vào để sản xuất hàng xuất khẩu đều chững lại.<sup>21</sup> Xuất khẩu giảm mạnh hơn là lý do dẫn đến thặng dư thương mại lớn của năm 2023.

**Nhu cầu bên ngoài vững chắc trong quý I năm 2024 cũng tác động mạnh đến xuất khẩu hàng công nghiệp chế tạo của Việt Nam.** Xuất khẩu hàng hóa tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước trong quý I của năm 2024 so với -11,6% so với cùng kỳ năm trước trong quý I năm 2023, nhờ xuất khẩu sang Mỹ và Khu vực châu Âu tăng mạnh (tương ứng tăng 25,5% và 16,3% so với cùng kỳ năm trước).<sup>22</sup> Sự phục hồi của xuất khẩu diễn ra ở hầu hết các sản phẩm công nghiệp chế tạo chính (Hình 1.12), với xuất khẩu máy tính đã giữ vững đáng ngạc nhiên từ năm 2023 (+12,9% so với cùng kỳ năm trước) tăng 30,4% (so cùng kỳ năm trước) trong quý I năm 2024.<sup>23</sup>

**Hình 1.11: Chỉ số sản xuất công nghiệp và xuất khẩu hàng hóa**

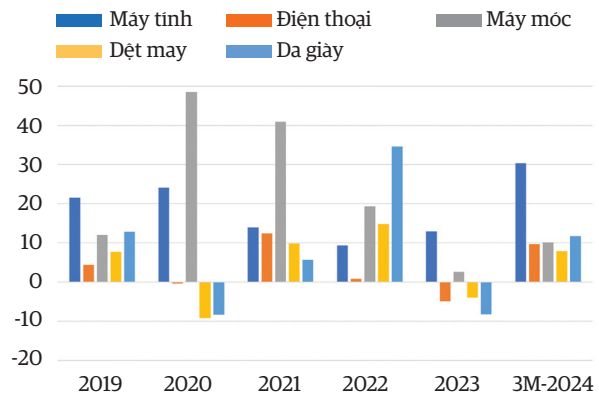
Tỷ lệ % (so cùng kỳ năm trước, không điều chỉnh theo mùa vụ)



Nguồn: TCTK và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới

**Hình 1.12: Tăng trưởng xuất khẩu các mặt hàng chính**

Tỷ lệ % (so cùng kỳ năm trước)



Nguồn: TCTK, Haver Analytics và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới

<sup>20</sup> Xuất khẩu giảm trong suốt ba quý đầu năm 2023 chủ yếu liên quan đến Hoa Kỳ (-17,3% so cùng kỳ), Liên minh Châu Âu (-8,9% so cùng kỳ) và ASEAN (-7,0% so cùng kỳ). Chỉ có xuất khẩu sang Trung Quốc có tăng trưởng (4% so cùng kỳ) theo số liệu của Hải quan Việt Nam, Haver Analytics, và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới. Số liệu công bố cho chín tháng đầu năm 2023.

<sup>21</sup> Đầu vào nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu chiếm 94% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam

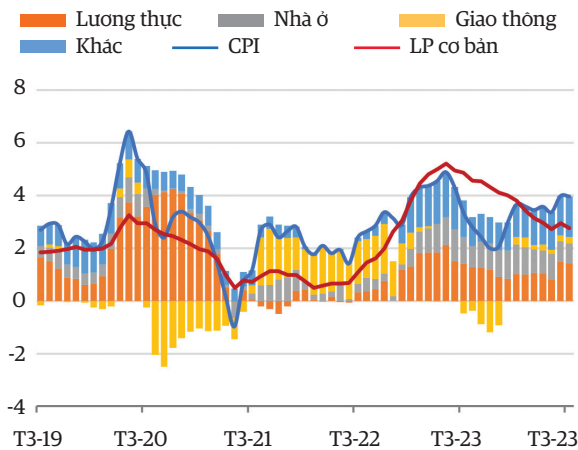
<sup>22</sup> Nguồn: Bộ Công thương

<sup>23</sup> Sự sụt giảm xuất khẩu trong ba quý đầu năm 2023 chủ yếu là Hoa Kỳ (-17,3% so với cùng kỳ), Liên minh Châu Âu (-8,9% so với cùng kỳ) và ASEAN (-7,0% so với cùng kỳ). Chỉ có xuất khẩu sang Trung Quốc đạt được tăng trưởng dương (4%, so với cùng kỳ năm trước), theo Tổng cục Hải Quan Việt Nam, Haver Analytics và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới. Dữ liệu sẵn có cho chín tháng đầu năm 2023.

**Trong điều kiện lạm phát giảm đà và tăng trưởng yếu đi, NHNN đã nới lỏng chính sách tiền tệ**

Sau khi đạt đỉnh vào tháng 1/2023 ở mức 4,9% (so cùng kỳ năm trước), lạm phát toàn phần và lạm phát cơ bản đều giảm trong năm 2023 do chi phí vận tải giảm và tiêu dùng trong nước chững lại, và đến đầu quý I/2024 vẫn thấp hơn mục tiêu lạm phát 4,5%. Chỉ số giá tiêu dùng năm 2023 rơi vào mức 3,25% (so cùng kỳ năm trước), thấp hơn nhiều so với mục tiêu lạm phát 4,5%. Chi phí vận tải (giá xăng) giảm đóng góp khoảng -0,24 điểm phần trăm (so cùng kỳ năm trước) cho lạm phát của năm 2023. Lạm phát CPI đối với giá lương thực và thực phẩm cũng giảm từ mức cao 6% (so cùng kỳ năm trước) vào tháng 1/2023 xuống còn 2,9% vào tháng 12/2023, góp phần giảm mạnh tổng CPI.<sup>24,25</sup> Lạm phát CPI lại tăng nhẹ lên trong quý I năm 2024 lên 3,8%, từ mức 3,6% vào quý IV năm 2023, do giá thực phẩm tăng. Lạm phát cơ bản (không bao gồm giá lương thực thực phẩm, giá nhiên liệu, giá các mặt hàng và dịch vụ do Nhà nước quản lý) có lúc đạt mức 5,1% trong năm 2023 nhưng bình quân cho cả năm 2023 là 4,16%, vẫn cao hơn so với trước đại dịch do giá nhà ở và vật liệu xây dựng cao hơn. Tuy nhiên, lạm phát cơ bản giảm trong cả năm 2023 và quý I năm 2024, còn 2,8% (so cùng kỳ năm trước) trong tháng 3 năm 2024 (Hình 1.13).

**Hình 1.13. Đóng góp cho lạm phát CPI**  
Điểm phần trăm

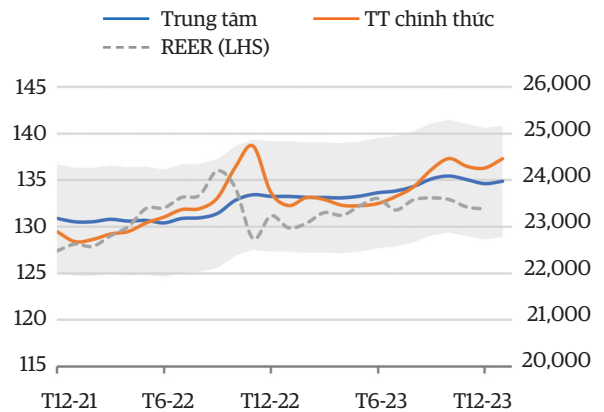


Nguồn: TCTK, Haver Analytics, và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới

Ghi chú: Lương thực thực phẩm bao gồm cả ngũ cốc, thực phẩm, ăn uống ngoài hộ gia đình; nhà ở bao gồm tiền thuê, tiện ích (điện, nước, nhiên liệu) và vật liệu xây dựng.

**Hình 1.14. Tỷ giá**

Tỷ giá VND/USD danh nghĩa và tỷ giá thực hữu hiệu (REER)



Nguồn: NHNN, Haver Analytics và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới.

Ghi chú: Tỷ giá danh nghĩa VND/USD tăng nghĩa là VND bị mất giá so với đồng đô-la. Tuy nhiên, tỷ giá thực hữu hiệu (REER) tăng nghĩa là VND tăng giá so với giỏ tiền tệ tính trọng số.

**Trong điều kiện lạm phát giảm đà và tăng trưởng yếu đi, NHNN đã nới lỏng chính sách tiền tệ.** Lãi suất chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn được cắt giảm tổng cộng 150-200 điểm cơ bản (bps) qua bốn đợt cắt giảm liên tục từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2023 xuống tương ứng còn 3% và 4,5% (Hình 1.15). Tràn

<sup>24</sup> Lạm phát CPI đối với giá lương thực thực phẩm giảm từ 6% xuống còn 2,9%, góp phần làm giảm tổng CPI ở mức từ 1,8 điểm phần trăm đến 1 điểm phần trăm.

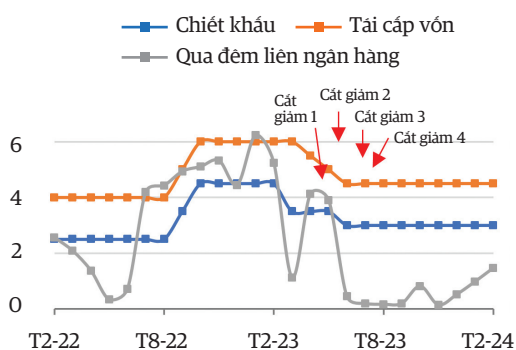
<sup>25</sup> Mặc dù CPI giảm cho cả năm, nhưng lạm phát vẫn nhích nhẹ trong nửa cuối năm do giá dịch vụ giáo dục tăng 5,1% (so cùng kỳ) vào tháng 08/2023, giá điện tăng 4,5% (so cùng kỳ) vào tháng 11/2023.

lãi suất tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng và lãi suất cho vay các lĩnh vực ưu tiên cũng giảm tương ứng nhằm khuyến khích các ngân hàng thương mại cung cấp vốn vay mới rẻ hơn cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng cá nhân. Trong năm 2023, lãi suất tiền gửi 12 tháng bình quân của các ngân hàng thương mại giảm 360 điểm cơ bản (bps) xuống còn 5,1%, còn lãi suất cho vay mới giảm trên 200 điểm cơ bản (bps) xuống bình quân còn 6,7% (theo báo cáo của NHNN). Bên cạnh đó là các nỗ lực nhằm đẩy nhanh triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất cũng như triển khai chương trình tín dụng nhà ở xã hội để hỗ trợ nền kinh tế.<sup>26</sup> Mặc dù vậy, đến quý IV năm 2023, chương trình hỗ trợ lãi suất mới chỉ giải ngân được 1,95% ngân sách, còn chương trình tín dụng nhà ở xã hội mới chỉ giải ngân được 55,5%,<sup>27</sup> do đầu tư tư nhân chững lại và thị trường bất động sản trầm lắng (Hộp 1.1), đồng thời cũng do tiêu chí tham gia và thủ tục đăng ký phức tạp.

**NHNN phục hồi dự trữ ngoại hối đồng thời đảm bảo ổn định tỷ giá.** Thặng dư tài khoản vãng lai lớn, và nhờ đó cân cán thanh toán thặng dư, giúp nâng dự trữ ngoại hối từ mức 87,1 tỷ USD vào cuối năm 2022 lên 93,3 tỷ USD vào cuối năm 2023, tương đương 3,3 tháng nhập khẩu.<sup>28,29</sup> Thặng dư tài khoản vãng lai hiện nay cũng đủ để bù đắp cho dòng vốn chảy ra nước ngoài do chênh lệch lãi suất khiến cho các nhà đầu tư tìm kiếm lợi nhuận cao hơn (như đã nêu trong phần thảo luận về dòng vốn chảy ra nước ngoài chính thức và phi chính thức ở trang 22). Các cấp có thẩm quyền tiếp tục áp dụng biên độ tỷ giá linh hoạt hơn (+5/-5%) xoay quanh tỷ giá trung tâm được ban hành từ tháng 10/2022, đồng thời thực hiện điều chỉnh nhỏ hơn nhưng thường xuyên hơn với tỷ giá song phương danh nghĩa của cặp VND/USD để đảm bảo ổn định thị trường ngoại hối. Kết quả là, tỷ giá danh nghĩa VND/USD tăng 2,2% năm 2023 (Hình 1.14).<sup>30</sup> Tỷ giá tiếp tục tăng 4,8% vào quý I năm 2024, nhưng vẫn nằm trong biên độ chính sách +5/-5% của NHNN.

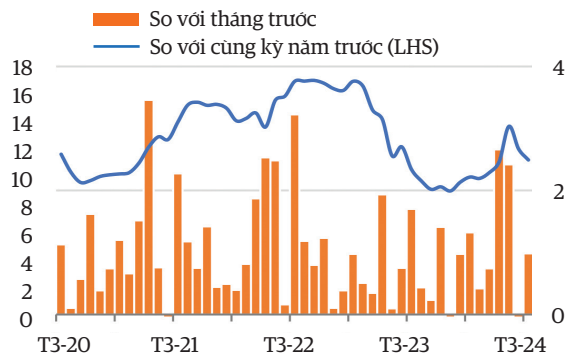
**Hình 1.15: Lãi suất**

*Phần trăm*



**Hình 1.16: Tăng trưởng tín dụng**

*Phần trăm*



Nguồn: NHNN và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới

<sup>26</sup> Chương trình hỗ trợ lãi suất là một phần của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội được Quốc hội phê duyệt vào đầu năm 2022. Chương trình này, được ngân sách phân bổ 1,7 tỷ US\$, nhằm hỗ trợ lãi suất ở mức 2% cho các doanh nghiệp đối tượng chính sách để phục hồi sau đại dịch. Vào tháng 03/2023, Chính phủ phê duyệt chương trình tín dụng 5,1 tỷ US\$ nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội tại Việt Nam. Nguồn tín dụng này được bốn ngân hàng thương mại quốc doanh cung cấp với lãi suất ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư bất động sản và người mua nhà.

<sup>27</sup> Chính phủ báo cáo lên Ủy ban Thương Vụ Quốc hội trong tháng 10/2023, về triển khai gói hỗ trợ kinh tế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

<sup>28</sup> Trong năm 2022, dự trữ ngoại hối của Việt Nam mất 22,7 tỷ US\$ khi NHNN can thiệp trên thị trường ngoại hối để bảo vệ giá trị của tiền đồng Việt Nam, giảm từ mức đỉnh 110 tỷ US\$ (Q4/2021) xuống còn nhỉnh hơn 87 tỷ US\$ (Q4/2022).

<sup>29</sup> Dữ liệu về cơ cấu cân cán thanh toán chỉ được công bố đến quý ba năm 2023. Dữ liệu quý bốn sẽ được công bố vào tháng 03/2024.

<sup>30</sup> Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngày 08/01/2024.

## **Tăng trưởng tín dụng chậm lại một chút, trong khi chất lượng tài sản giảm sút**

**Tín dụng cho nền kinh tế ghi nhận mức tăng trưởng 13,7% trong năm 2023, thấp hơn một chút so với mục tiêu của NHNN (14%) và kết quả năm 2022 (14,2%).** Trong khi mức tăng trưởng là rất chậm chạp trong ba quý đầu năm 2023 do đầu tư tư nhân và nhu cầu tín dụng tiêu dùng chậm lại, tín dụng đã bật tăng mạnh trong quý IV – riêng quý cuối năm 2023 đóng góp gần một nửa (49%) tổng tăng trưởng tín dụng trong cả năm (Hình 1.16). Sự gia tăng mạnh này có thể một phần là do lãi suất cho vay giảm và các yếu tố mùa vụ.<sup>31</sup> Thị trường trái phiếu doanh nghiệp cũng có sự phục hồi tương tự, ghi nhận mức tăng trưởng 27% (so với cùng kỳ năm trước). Phần lớn sự tăng trưởng này diễn ra trong quý IV, với các đợt phát hành đạt 135,1 nghìn tỷ đồng – tương đương 50% tổng lượng phát hành trong năm 2023.

**Trong khi đó, chất lượng tài sản xấu đi trong năm 2023, bắt chập việc cơ quan quản lý cho phép triển khai lại biện pháp tạm hoãn trả nợ.** Tỷ lệ nợ xấu trên bảng cân đối kế toán (NPL) tại các ngân hàng thương mại tăng lên 4.5 % vào tháng 12/ 2023, từ mức 1,9% vào cuối năm 2022. Điều này bắt chập việc tái áp dụng các biện pháp tạm hoãn trả nợ vào tháng 4/2023 (Thông tư số 02/2023), trong đó có tổng cộng 171,0 nghìn tỷ đồng cho vay được cơ cấu lại vào tháng 12/2023, tương đương 1.3 % tổng dư nợ tín dụng. Tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng tăng không đi kèm với việc tăng tỷ lệ trích lập dự phòng cho vay của các ngân hàng thương mại, dẫn đến tỷ lệ dự phòng tổn thất cho vay giảm đáng kể xuống mức trung bình 95% trong quý 4-2023,<sup>32</sup> từ mức 123% vào cuối năm 2022. Mức trích lập dự phòng giữa các ngân hàng rất khác nhau, từ 7 đến 230 %, với một số ngân hàng có dự phòng nhỏ không đáng kể để đủ bù lỗ cho các khoản nợ xấu. Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng thấp như vậy có thể đã cho phép các ngân hàng ghi nhận tỷ lệ an toàn vốn tăng nhẹ lên mức 11,9% vào tháng 12/2023, so với mức 11,5% vào cuối năm 2022.

## **Chính sách tài khóa được thực hiện theo hướng tương đối mở rộng trong năm 2023 khi thu ngân sách giảm đi và đầu tư công lại được đẩy mạnh để hỗ trợ nền kinh tế**

**Tổng thu ngân sách theo giá hiện hành giảm 5,4% so với 2022.** Trong đó, số thu từ thuế năm 2023 giảm 13,8% so với 2022 (Hình 1.17) do tăng trưởng yếu đi và do các biện pháp hỗ trợ tạm thời về thuế.<sup>33</sup> Ngoài số thu thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 5,5% (so cùng kỳ năm trước),<sup>34</sup> số thu của tất cả các sắc thuế khác đều giảm so với năm 2022. Do nhập khẩu giảm mạnh, thuế nhập khẩu, thuế GTGT tính trên giá trị hàng hóa nhập khẩu giảm tương ứng 39,4% và 20% (so cùng kỳ năm trước). Tiêu dùng trong nước chững lại cũng dẫn đến thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế GTGT đối với hàng hóa và dịch vụ trong nước giảm 10,2% so với 2022.

<sup>31</sup> Trong khi tăng trưởng tín dụng trong quý IV thường cao nhất (so với các quý khác) trong những năm gần đây, mức đóng góp tới 49% của quý IV năm 2023 là một trong những mức cao nhất trong bảy năm qua, ngoại trừ mức 50% vào năm 2020. Trong giai đoạn trước đại dịch COVID-19, đóng góp trung bình quý IV vào tổng tăng trưởng tín dụng hàng năm ở vào khoảng 32%.

<sup>32</sup> Đối với 27 ngân hàng thương mại công bố báo cáo tài chính quý.

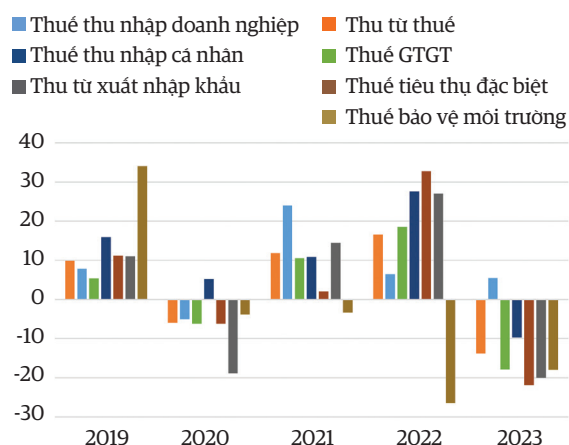
<sup>33</sup> Trong năm 2023, Quốc hội cho phép tiếp tục giảm thuế suất thuế GTGT và thuế BVMT tương ứng ở mức 2% và 50%. Các biện pháp hỗ trợ thuế được kéo dài đến tháng 06/2024, và sẽ được Quốc hội xem xét lại vào tháng 05/2024.

<sup>34</sup> Tăng một phần do hoãn giãn thời gian nộp thuế từ năm 2022 (các biện pháp hỗ trợ thuế trong Chương trình Phục hồi và Phát triển KTXH 2022-2023).

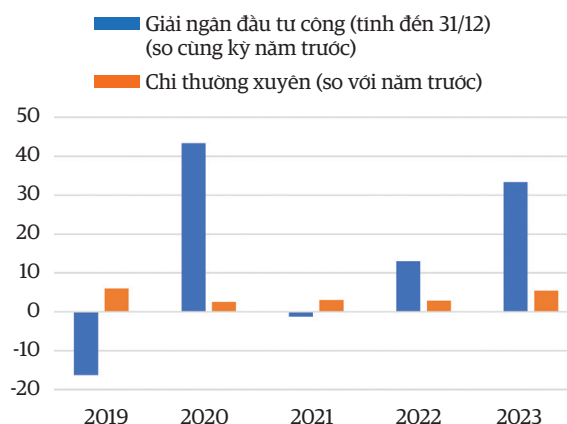
**Mặc dù tổng chi ngân sách năm 2023 tăng 12,8% (so cùng kỳ năm trước), nhưng những thách thức trong triển khai khiến một số vốn đầu tư công tiếp tục được chuyển nguồn.**

Chi thường xuyên - gồm chi lương và tiền công, chi cho an sinh xã hội và hưu trí - tăng 5,3% so với năm 2022, do Chính phủ triển khai tăng lương cơ bản 30,8% trong khu vực nhà nước<sup>35</sup> từ ngày 1/7/2023. Nhờ những nỗ lực của Chính phủ nhằm hỗ trợ các hoạt động kinh tế đang chững lại, ngân sách đầu tư công được tăng thêm 200 ngàn tỷ VND (1,8% GDP)<sup>36</sup> đồng thời giải ngân đầu tư công được đẩy nhanh trong năm 2023, lên đến 580 ngàn tỷ VND vào cuối tháng 12 (cao hơn 33,3% so với năm 2022), đạt 73,5% dự toán theo kế hoạch được Quốc hội phê duyệt, so với 67,3% năm 2022 (Hình 1.18). Tuy đã có những cải thiện nêu trên, nhưng đầu tư công vẫn bị chậm tiến độ, do những trở ngại trong giải phóng mặt bằng và tái định cư, thủ tục đấu thầu kéo dài - đặc biệt đối với những hợp đồng lớn. Chậm tiến độ triển khai trong những năm qua dẫn đến khối lượng chuyển nguồn vốn đầu tư lũy kế lên đến khoảng 400 ngàn tỷ VND (tương đương 4% GDP) vào cuối năm 2023.<sup>37</sup>

**Hình 1.17: Số thu từ thuế của Chính phủ**  
% (so cùng kỳ năm trước)



**Hình 1.18: Chi tiêu của Chính phủ**  
% (so cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Bộ Tài chính và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới

**Nợ của Chính phủ và nợ được Chính phủ bảo lãnh vẫn ở mức bền vững, qua đó cho thấy dư địa tài khóa còn dồi dào có thể dùng cho chính sách tài khóa ứng phó với biến động chu kỳ và đầu tư cho hạ tầng, để đảm bảo nhu cầu tăng trưởng trong tương lai.** Nợ của Chính phủ và nợ được Chính phủ bảo lãnh ước tính khoảng 39,8% GDP cho năm 2023, tiếp tục giảm từ năm 2016 (51,4% GDP), thấp hơn nhiều so với ngưỡng 60% theo quy định của Quốc hội. Nợ công của Việt Nam năm 2023

<sup>35</sup> Thang hệ số lương khu vực công nằm trong khoảng 1,65 đến 8.0 tùy vào vị trí và loại việc làm. Lương tháng gộp của một cá nhân làm trong nhà nước được tính dựa trên lương cơ bản (tăng từ 1.490.000 VND lên 1.800.000 VND mỗi tháng, có hiệu lực từ 01/07/2023) nhân với hệ số lương áp dụng cho vị trí việc làm.

<sup>36</sup> Dự toán chi đầu tư theo kế hoạch năm 2022 là 526,7 ngàn tỷ VND, còn dự toán theo kế hoạch năm 2023 là 726 ngàn tỷ VND. Chương trình đầu tư tăng lên phần nào nhờ vào Chương trình phục hồi và phát triển KTXH được Quốc hội phê duyệt vào tháng 01/2022.

<sup>37</sup> Tính toán của cán bộ NHTG trên cơ sở số dư tiền gửi của Chính phủ tại NHNN và các ngân hàng thương mại, bao gồm tiền gửi của các cơ quan đơn vị thuộc khu vực Nhà nước (bao gồm Bảo hiểm Xã hội), tồn ngân hoạt động, quỹ cải cách lương, số dư ngân sách của các địa phương và số chuyển nguồn cộng dồn do vượt thu và đầu tư công bị chậm tiến độ.



theo ước tính đang ở mức tốt hơn nhiều so với các quốc gia so sánh trong khu vực - In-đô-nê-xia (40,9% GDP), Phi-líp-pin và Thái Lan (cả hai đều 60,9% GDP) và Ấn Độ (89,2% GDP).<sup>38</sup> Các cấp có thẩm quyền cũng đang tiếp tục kéo dài kỳ hạn nợ công qua phát hành trái phiếu trong nước có kỳ hạn dài và lãi suất thấp, phần nào thông qua việc Quý hưu trí của Nhà nước về cơ bản chỉ được phép đầu tư mua trái phiếu Chính phủ. Trong năm 2023, 68,7% nợ công là nợ trong nước so với 58,6% trong năm 2016.<sup>39</sup> Tổng khối lượng trái phiếu phát hành đạt 298,5 ngàn tỷ VND (tương đương 74.6 % kế hoạch năm). Khoảng 95% trái phiếu do Kho bạc Nhà nước phát hành có kỳ hạn dài (10-35 năm).<sup>40</sup>

---

<sup>38</sup> Nguồn: <https://tradingeconomics.com>.

<sup>39</sup> Nguồn: Bộ Tài chính, Bản tin nợ công, tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới.

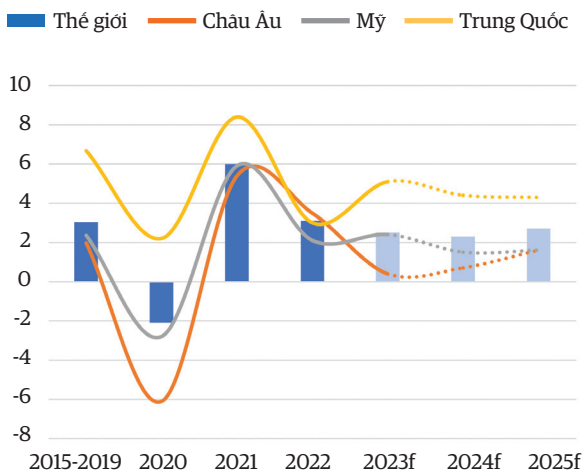
<sup>40</sup> Bộ Tài chính, tháng 12/2023.

## 2. TRIỂN VỌNG KINH TẾ, RỦI RO VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

### Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được cho là tích cực

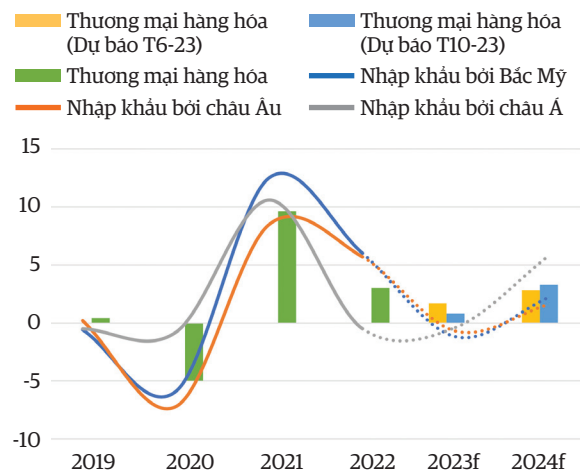
**Nền kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng 5,5% trong năm 2024 và tăng dần lên đến 6,5% vào năm 2026**, tùy vào mức độ phục hồi của nhu cầu bên ngoài và đầu tư của khu vực tư nhân (Bảng 1.1). Dự báo trên dựa trên giả định xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chế tạo sẽ phục hồi khá trong năm 2024, nhờ tăng trưởng phục hồi ở mức 8,5% (so cùng kỳ năm trước) vào quý IV năm 2023 và 17,2% (so cùng kỳ năm trước) vào quý I năm 2024, đồng thời nhu cầu trên toàn cầu được cải thiện.<sup>41</sup> Xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chế tạo đang và dự kiến sẽ tiếp tục phục hồi trong hai năm tới, dựa trên dự báo tăng trưởng nhẹ và nhu cầu nhập khẩu của các quốc gia đối tác thương mại lớn như Hoa Kỳ, châu Âu và Trung Quốc (Hình 1.19 và 1.20). Thị trường bất động sản được dự báo sẽ xoay chuyển theo hướng đi lên vào cuối năm 2024 và đầu năm 2025 khi tình trạng đóng băng của thị trường trái phiếu được nới lỏng và Luật đất đai được ban hành vào tháng 1/2024 có hiệu lực từ tháng 1/2025. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã bắt đầu phục hồi vào quý IV năm 2023, với khối lượng phát hành đạt 135,1 ngàn tỷ VND, đóng góp 50% cho tổng khối lượng phát hành năm 2023. Đến cuối tháng 2/2024, khối lượng phát hành đạt 114,8 ngàn tỷ VND, qua đó cho thấy thị trường đang dần phục hồi. Luật đất đai được ban hành sẽ có hiệu lực từ tháng 1/2025, sẽ làm rõ phương thức định giá đất và ban hành các quy định mới về sử dụng đất. Khi xuất khẩu và thị trường bất động sản dần phục hồi, nhu cầu trong nước dự kiến sẽ cải thiện từ nửa cuối năm 2024 do các nhà đầu tư và người tiêu dùng lấy lại lòng tin, với dự kiến tổng đầu tư và tiêu dùng tư nhân dự kiến sẽ tăng tương ứng 5,5% và 5,0% (theo giá so sánh).

**Hình 1.19: Tăng trưởng GDP toàn cầu**  
% (so cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Viễn cảnh kinh tế toàn cầu, tháng 01/2024, Ngân hàng Thế giới

**Hình 1.20: Tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu**  
% (so cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Dự báo của WTO, tháng 10/2023

**Lạm phát được dự báo sẽ tăng nhẹ từ mức bình quân 3,2% năm 2023 lên 3,5% vào năm 2024.**

Dự báo trên phản ánh dự kiến tăng giá các mặt hàng và dịch vụ do Nhà nước quản lý, nhu cầu giáo dục và y tế, tương ứng đóng góp 6,17% và 5,4% cho trọng số giỏ hàng hóa tính CPI. Mặt khác, cho dù xung đột tại U-crai-na và Trung Đông vẫn tiếp diễn, giá dầu và nguyên liệu được cho là sẽ giảm nhẹ trong năm 2024. Lạm phát CPI sẽ chững lại còn 3% trong năm 2025 và 2026, dựa trên kỳ vọng giá năng lượng và nguyên liệu sẽ ổn định.

**Tài khoản vãng lai dự kiến tiếp tục thặng dư năm 2024, chủ yếu nhờ vào cán cân thương mại**

**hàng hóa.** Mức thặng dư có thể giảm trong các năm 2025-2026 do nhập khẩu tăng lên khi tiêu dùng tư nhân cũng như nhu cầu nhập khẩu đầu vào phục vụ sản xuất khi xuất khẩu phục hồi dần. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) dự kiến vẫn duy trì ổn định trong ngắn và trung hạn, do nhà các đầu tư nước ngoài tiếp tục quan tâm đến Việt Nam.

**Bảng 1.1: Một số chỉ số kinh tế, Việt Nam 2021-2026**

Chỉ số	2021	2022	2023e	2024f	2025f	2026f
Tăng trưởng GDP (%)	2,6	8,0	5,0	5,5	6,0	6,5
Tăng trưởng các yếu tố chỉ tiêu						
Tiêu dùng của tư nhân	2,0	7,8	3,5	5,0	5,5	6,5
Tiêu dùng của Nhà nước	4,7	3,6	4,9	4,5	4,5	4,4
Đầu tư	3,7	5,8	4,1	5,5	7,4	8,5
Xuất khẩu	13,9	4,9	-2,5	3,5	4,9	5,5
Nhập khẩu	15,8	2,2	-4,3	4,0	5,0	6,0
Chỉ số giá tiêu dùng (bình quân, %)	1,8	3,1	3,2	3,5	3,0	3,0
Cán đối tài khoản vãng lai (%GDP)	-2,2	-0,3	1,9	1,7	1,6	1,7
Cán đối tài khóa (*) (% GDP)	-1,4	-0,2	-1,2	-1,6	-1,1	-1,0
Nợ Chính phủ và nợ được Chính phủ bảo lãnh (**) (%GDP)	43,0	37,9	39,8	40,4	37,0	35,3

*Nguồn:* TCTK; Bộ Tài chính; NHNN; IMF; và tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới.

*Ghi chú:* e = Ước; f = Dự báo \*; Không bao gồm chi tiêu chưa phân bổ và áp dụng chuẩn Thống kê tài chính chính phủ (GFS), \*\*;

Tính toán dựa trên Quyết định số 458/QĐ-TTg (ngày 28/04/2023) về kế hoạch vay và trả nợ công năm 2023 và giai đoạn 2023-2025, Nghị quyết số 105/2023/QH15 (ngày 10/11/2023) về dự toán ngân sách năm 2024 của Chính phủ.

<sup>41</sup> Mặc dù tăng trưởng GDP chững lại năm 2023, nhưng diễn biến theo quý cho thấy xuất khẩu và sản xuất công nghệ phục hồi nhẹ từ quý ba. Xuất khẩu giảm 11,6% (so cùng kỳ) trong hai quý đầu năm 2023 ảnh hưởng đến kết quả các lĩnh vực chế tạo chế biến định hướng xuất khẩu của Việt Nam khi Chi số sản xuất công nghiệp giảm 15,4% so cùng kỳ. Bắt đầu từ Q3/2023, xuất khẩu dần thu hẹp khoảng cách với cùng kỳ năm 2023 và đạt tăng trưởng 8,5% (so cùng kỳ) trong Q4/2023, nhờ nhu cầu trên toàn cầu nhích lên trong nửa cuối của năm. Tương ứng với sự cải thiện đó, sản xuất chế tạo chế biến và việc làm bắt đầu phục hồi dần, với tỷ lệ tăng trưởng leo lên các mức dương, tương ứng đạt 5,6% (so cùng kỳ) và 0,1% (so cùng kỳ) vào cuối tháng 12/2023.

**Chính phủ được dự kiến sẽ duy trì chính sách tài khóa tương đối mở rộng trong năm 2024 để hỗ trợ nền kinh tế, nhưng sẽ quay lại chính sách tài khóa thắt chặt trong những năm tiếp theo.**

Trong năm 2024, bội chi ngân sách được dự báo sẽ tiếp tục được mở rộng đến 1,6% GDP, do thu ngân sách tiếp tục yếu còn chi ngân sách dự kiến sẽ tăng do dự kiến tăng lương công chức cùng với các nỗ lực nhằm tiếp tục đẩy nhanh đầu tư công. Bội chi ngân sách được dự báo sẽ giảm từ 1,6% GDP trong năm 2024 xuống còn 1,1% vào năm 2025 và giảm thêm xuống 1,0% vào năm 2026.

***Rủi ro đối với triển vọng dự báo trên nhìn chung ở thế cân bằng***

**Triển vọng trên còn phụ thuộc vào những rủi ro xấu đang gia tăng cả ở trong nước và bên ngoài.** Do độ mở của nền kinh tế Việt Nam với nền kinh tế toàn cầu, yếu tố bất định chủ yếu do tăng trưởng toàn cầu có thể thấp hơn so với dự kiến, cụ thể là một số các đối tác thương mại lớn như Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu, và Trung Quốc. Những diễn biến như vậy có thể tác động đến quá trình phục hồi xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chế tạo của Việt Nam, cũng như tăng trưởng và sản xuất công nghiệp. Căng thẳng địa chính trị leo thang có thể ảnh hưởng đến kim ngạch và định hướng xuất khẩu. Nhìn vào trong nước, thị trường bất động sản có thể phục hồi lâu hơn dự kiến, ảnh hưởng xấu đến tâm lý của các nhà đầu tư, làm giảm đầu tư của khu vực tư nhân, là yếu tố quan trọng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế. Chất lượng tài sản trong khu vực tài chính tiếp tục xấu đi - do thị trường bất động sản ảm đạm - có thể ảnh hưởng không tốt đến triển vọng tăng trưởng khi dự phòng vốn, đặc biệt ở một số ngân hàng thương mại quốc doanh lớn, còn tương đối mỏng. Thiên tai liên quan đến khí hậu cũng là những rủi ro tăng thêm theo hướng xấu đối với quốc gia. Việt Nam được biết có nguy cơ về bão trong giai đoạn từ tháng 8 đến tháng 10, gây phát sinh tổn thất kinh tế hàng năm. Chẳng hạn, khu vực miền trung trong năm 2020 đã chứng kiến sáu cơn bão chi trong tháng 10, gây tổn thất về người và thiệt hại về của lên đến 2 tỷ USD.

**Mặc dù vậy, triển vọng dự báo trên cũng phụ thuộc vào những diễn biến dự kiến theo hướng tích cực.** Tăng trưởng toàn cầu tốt hơn dự báo có thể hỗ trợ các lĩnh vực xuất khẩu của Việt Nam phục hồi nhanh hơn. Kết quả kinh tế của Hoa Kỳ, cụ thể là tiêu dùng, có thể tiếp tục tăng hơn dự kiến, khiến cho nhu cầu với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam tốt hơn so với giả định ban đầu. Đồng thời, khi các quốc gia phát triển, cụ thể là Hoa Kỳ, nới lỏng chính sách tiền tệ, chênh lệch lãi suất giữa thị trường trong nước và quốc tế có thể được thu hẹp, nới lỏng chi phí huy động vốn trên toàn cầu, với tiềm năng đem lại tác động lan tỏa tích cực sang khu vực tài chính và ngân hàng ở Việt Nam.

## Hộp 1.2:

### Tác động của các cú sốc tới tăng trưởng - phân tích độ nhạy

Một phân tích độ nhạy đơn giản về tác động trực tiếp của các cú sốc ngoại sinh đối với xuất khẩu và tiêu dùng cho thấy rằng tăng trưởng GDP sẽ bị ảnh hưởng.<sup>42</sup> Phân tích này không bao gồm tác động vòng hai của các cú sốc đối với việc làm, thu nhập hộ gia đình và tiêu dùng trong nước. Chúng tôi giả định ba kịch bản sốc và so sánh chúng với ước tính cơ sở vào năm 2024. Kết quả của chúng tôi nêu bật mức độ dễ bị tổn thương cao của nền kinh tế trước các cú sốc xuất khẩu và tầm quan trọng của tiêu dùng cá nhân trong nước như một yếu tố đóng góp cho tăng trưởng. Chúng tôi ước tính rằng tốc độ tăng trưởng xuất khẩu giảm 1 điểm phần trăm sẽ làm giảm 0,9 điểm phần trăm tốc độ tăng trưởng GDP trong năm. Nếu tiêu dùng trong nước chậm lại 1 điểm phần trăm thì tốc độ tăng trưởng GDP thực tế sẽ mất đi 0,5 điểm phần trăm. Mặt khác, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu được cải thiện 0,5 điểm phần trăm sẽ làm tăng tốc độ tăng trưởng GDP thêm 0,5 điểm phần trăm.

**Bảng B1.2.1: Phân tích độ nhạy chọn lọc, Việt Nam 2021-26**

	Cơ sở 2024	Tăng trưởng xuất khẩu thấp hơn	Tiêu dùng cá nhân thấp hơn	Tăng trưởng xuất khẩu cao hơn
Tăng trưởng GDP thực (%)	5,5	4,6	5,0	6,0
Tốc độ tăng trưởng:				
Chi tiêu cá nhân	5,0	5,0	4,0	5,0
Chi tiêu công	4,5	4,5	4,5	4,5
Đầu tư	5,5	5,5	5,5	5,5
Xuất khẩu	3,5	2,5	3,5	4,0
Nhập khẩu	4,0	4,0	4,0	4,0

### **Các biện pháp chính sách tài khóa mở rộng được duy trì có thể hỗ trợ nền kinh tế phục hồi, đồng thời ưu tiên hàng đầu vẫn là ổn định khu vực tài chính**

**Các chính sách hỗ trợ cần được tiếp tục duy trì để đẩy nhanh phục hồi.** Tiếp tục các nỗ lực đẩy nhanh triển khai đầu tư công là cách để giúp hỗ trợ tổng cầu trong ngắn hạn, đồng thời giúp thu hẹp khoảng cách về cơ sở hạ tầng. Chi cần tăng đầu tư công thêm một điểm phần trăm GDP có thể dẫn đến GDP tăng thêm 0,1%.<sup>43</sup> Nhờ tình hình tài khóa được củng cố trong những năm gần đây, hiện dư địa tài khóa vẫn còn để tiếp tục thực hiện hỗ trợ có mục tiêu. Mặt khác, dư địa để tiếp tục cắt giảm lãi suất bị hạn chế hơn, do chênh lệch lãi suất giữa thị trường trong nước và quốc tế và áp lực nó có thể gây ra đối với tỷ giá.

<sup>42</sup> Phân tích độ nhạy được thực hiện bằng Mô hình MFMod của Ngân hàng Thế giới.

<sup>43</sup> Tính toán của cán bộ Ngân hàng Thế giới.

**Tiếp đà những cải cách trong thời gian qua, các bước nhằm giảm nhẹ rủi ro và nguy cơ dễ tổn thương trong khu vực tài chính trong thời gian tới vẫn hết sức cần thiết.** Các cấp có thẩm quyền có thể ban hành chính sách nhằm cải thiện tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng và tăng cường khung thể chế về giám sát an toàn (bao gồm nhằm phát hiện và xử lý các vấn đề về quan hệ giữa ngân hàng và các tập đoàn doanh nghiệp), can thiệp sớm và xử lý ngân hàng yếu kém (nhằm ngăn ngừa các ngân hàng sụp đổ gây ra các vấn đề mang tính hệ thống) và quản lý khủng hoảng. Mặc dù Luật về các tổ chức tín dụng đã được cải thiện qua sửa đổi gần đây, nhưng vẫn còn bất cập ở một số nội dung, bao gồm giám sát các tập đoàn có ngân hàng và tổ chức tín dụng hợp nhất, thẩm quyền xử lý các ngân hàng yếu kém, và phòng vệ pháp lý cho các cán bộ giám sát. Ưu tiên đặt ra là cần tăng cường nhiệm vụ của NHNN trong các nội dung trên trong những cải cách pháp lý sắp tới về khu vực tài chính, bao gồm thông qua sửa đổi Luật NHNN Việt Nam.

**Cuối cùng, cải cách cơ cấu có vai trò thiết yếu nhằm duy trì triển vọng tăng trưởng trong dài hạn.** Ngoài cung cấp các gói hỗ trợ kinh tế trong ngắn hạn, tăng cường quản lý đầu tư công cũng có vai trò quan trọng nhằm xử lý những thiếu hụt về hạ tầng phát sinh, chẳng hạn trong các lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải và logistics - hiện đang trở thành rào cản ngày càng lớn đối với tăng trưởng. Bên cạnh đó, các cấp có thẩm quyền cần đẩy nhanh cải cách cơ cấu nhằm tăng cường môi trường quản lý nhà nước trong các dịch vụ trọng yếu (công nghệ thông tin và truyền thông, điện lực, vận tải) để xanh hóa nền kinh tế, phát triển nguồn nhân lực, và cải thiện môi trường kinh doanh, bao gồm thông qua hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (nội dung này được bàn chi tiết hơn trong phần sau là chuyên đề đặc biệt của ấn phẩm kỳ này).

# Tham khảo

- Bouchouicha, R., và Ftiti, Z. (2012). Thị trường bất động sản và kinh tế vi mô: Khung đồng bộ động. *Xây dựng mô hình kinh tế*, 29(5), 1820-1829.
- Lim, T. (2018). Tăng trưởng, phát triển tài chính và bóng bóng nhà ở. *Xây dựng mô hình kinh tế*, 69, 91-102.
- Miller, N., Peng, L., và Sklarz, M. (2011). Giá nhà ở và tăng trưởng kinh tế. *Tạp chí kinh tế học và tài chính bất động sản*, 42(4), 522-541.
- Nguyễn, Mỹ-Linh & Bùi, Toàn và Thắng, Nguyễn. (2019). Mối quan hệ giữa thị trường bất động sản và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. *Tạp chí Tài chính, Kinh tế và Kinh doanh châu Á*. 6. 121. 10.13106/jafeb.2019.vol6.no1.121.
- Nneji, O., Brooks, C., và Ward, C.W.R. (2013), Diễn biến giá nhà ở và phản ứng của nó với thay đổi về kinh tế vi mô, *Xây dựng mô hình kinh tế*, 32, (C), 172-178.
- Schmalz, M. C., Sraer, D. A., và Thesmar, D. (2016). Thế chấp nhà ở và khởi nghiệp kinh doanh. *Tạp chí tài chính*, 72(1), 99-132.
- Ngân hàng Thế giới. 2024. *Viễn cảnh kinh tế toàn cầu, tháng 04/2024*. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới.

# Chương 2.

Đẩy mạnh khởi nghiệp  
đổi mới sáng tạo





# 1. GIỚI THIỆU<sup>44</sup>

**Việt Nam cần nâng cao năng suất của khu vực tư nhân trong nước nhằm hoàn thành mục tiêu trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045 khi các động lực tăng trưởng truyền thống đang dần không còn nữa.** Tích lũy vốn bị hạn chế vì đầu tư công tương đối thấp do chính sách tài khóa thận trọng và những thách thức trong triển khai, trong khi đó đóng góp của nguồn cung lao động dự kiến sẽ giảm xuống do lực lượng lao động đang già hóa nhanh chóng (Ngân hàng Thế giới, 2023a). Chính vì vậy, chỉ còn tăng trưởng năng suất, bên cạnh việc mở rộng tích lũy vốn của khu vực tư nhân, là động lực tăng trưởng chính trong thời gian tới.

**Tuy nhiên, trong thập kỷ qua, tăng trưởng năng suất đã và đang chủ yếu nhờ vào đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) còn khu vực tư nhân trong nước vẫn đi sau.** Để minh họa cho khoảng cách chênh lệch đó, năng suất lao động của khu vực tư nhân trong nước, được đo bằng giá trị gia tăng tạo ra trên mỗi lao động, của năm 2020 chỉ bằng khoảng một phần tư so với khu vực Nhà nước (22,4%) và khu vực FDI (26,7%). So sánh cho thấy năng suất lao động của khu vực tư nhân trong nước vào năm 2015 chỉ bằng khoảng một phần năm so với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).<sup>45</sup> Mặc dù số lượng doanh nghiệp tư nhân trong nước tăng mạnh trong thập kỷ qua, nhưng các doanh nghiệp này thường nhỏ hơn, có năng suất và năng lực đổi mới sáng tạo thấp hơn so với các doanh nghiệp vốn nước ngoài (FIE) và ít hội nhập vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Hầu hết các doanh nghiệp tư nhân trong nước đều là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ có năng suất tương đối thấp như nhà hàng, buôn bán nhỏ lẻ, và tham gia các hoạt động chế tạo chế biến đơn giản để phục vụ thị trường trong nước là chính chứ chưa nhằm vào các cơ hội xuất khẩu.

**Các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo<sup>46</sup> có thể đóng vai trò động lực tăng trưởng năng suất cho khu vực tư nhân ở Việt Nam.<sup>47</sup>** Đóng góp của các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã được minh chứng trong các nghiên cứu kinh tế, đặc biệt liên quan đến tăng trưởng kinh tế,<sup>48</sup> đổi mới sáng tạo<sup>49</sup> và năng suất.<sup>50</sup> Các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đặc biệt có ý nghĩa với các quốc gia thu nhập trung bình như Việt Nam, vì tăng trưởng năng suất trong tương lai của các nước

<sup>44</sup> Chương này được soạn thảo dựa trên báo cáo của Ngân hàng Thế giới "Đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam: Phân tích đánh giá hệ sinh thái", là phân tích toàn diện nhất về hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam đến nay (Aridi và đồng sự, 2023). Báo cáo này có thể được truy cập tại <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/099111623132511499/p178764034088f0840b95603af423252410>.

<sup>45</sup> Tổng cục Thống kê. 2023. Năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2011-2020: Thực trạng và giải pháp. Có thể truy cập bằng tiếng Việt tại <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2023/02/nang-suat-lao-dong-cua-viet-nam-giai-doan-2011-2020-thuc-trang-va-giai-phap/>.

<sup>46</sup> Doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là khái niệm về các doanh nghiệp thâm dụng tri thức hoặc công nghệ hiện đang có hoặc đặt mục tiêu phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ mới với thị trường hoặc mới với thế giới.

<sup>47</sup> Theo Alon và đồng sự (2018) và Haltiwanger (2022), doanh nghiệp khởi nghiệp đóng góp khác biệt cho tăng trưởng năng suất.

<sup>48</sup> Audretsch, Kielbach, và Lehmann 2006; Gries và Naudé 2009.

<sup>49</sup> Spender và đồng sự 2017.

<sup>50</sup> Aghion và đồng sự 2009.

này chắc chắn ngày càng dựa trên đổi mới sáng tạo và hấp thụ công nghệ. Để các doanh nhân phát triển hưng thịnh, họ cần có môi trường thuận lợi để hoạt động dưới hình thức 'hệ sinh thái khởi nghiệp'. Nói cách khác, đó là một loạt các yếu tố thể chế, chính sách và thị trường nhằm nuôi dưỡng và tạo thuận lợi cho các hoạt động khởi nghiệp.

**Tuy nhiên, những thách thức trong hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam có thể gây cản trở cho sự gia nhập của các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và cản trở tiềm năng tăng trưởng của các doanh nghiệp đó.** Các yếu tố gây trở ngại bao gồm môi trường pháp quy phiền hà và lạc hậu, tình trạng thiếu hụt lao động có kỹ năng ngày càng gia tăng, tỷ lệ đổi mới sáng tạo thấp,<sup>51</sup> bên cạnh những khó khăn về tiếp cận tài chính - nhất là đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Rất nhiều lĩnh vực - như giáo dục, tài chính, y tế và logistics - cũng đang gặp trở ngại do chi phí gia nhập cao và tình trạng bất định về quy định pháp luật (Nhóm Ngân hàng Thế giới 2021).

**Chương này nhằm đánh giá về hiệu quả của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Việt Nam, đồng thời đưa ra các khuyến nghị nhằm cải thiện kết quả khởi nghiệp.** Chương này đưa ra phân tích về các yếu tố đóng góp cho nguồn cung các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đánh giá về gói chính sách và khả năng tiếp cận tài chính trong suốt vòng đời của doanh nghiệp, đồng thời tìm hiểu về điều kiện đằng sau toàn bộ hệ sinh thái. Phần kết luận của chương đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao số lượng và chất lượng các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, thu hẹp khoảng cách về tài chính dành cho đổi mới sáng tạo, đồng thời loại bỏ những rào cản hiện nay để doanh nghiệp mới gia nhập và phát triển.

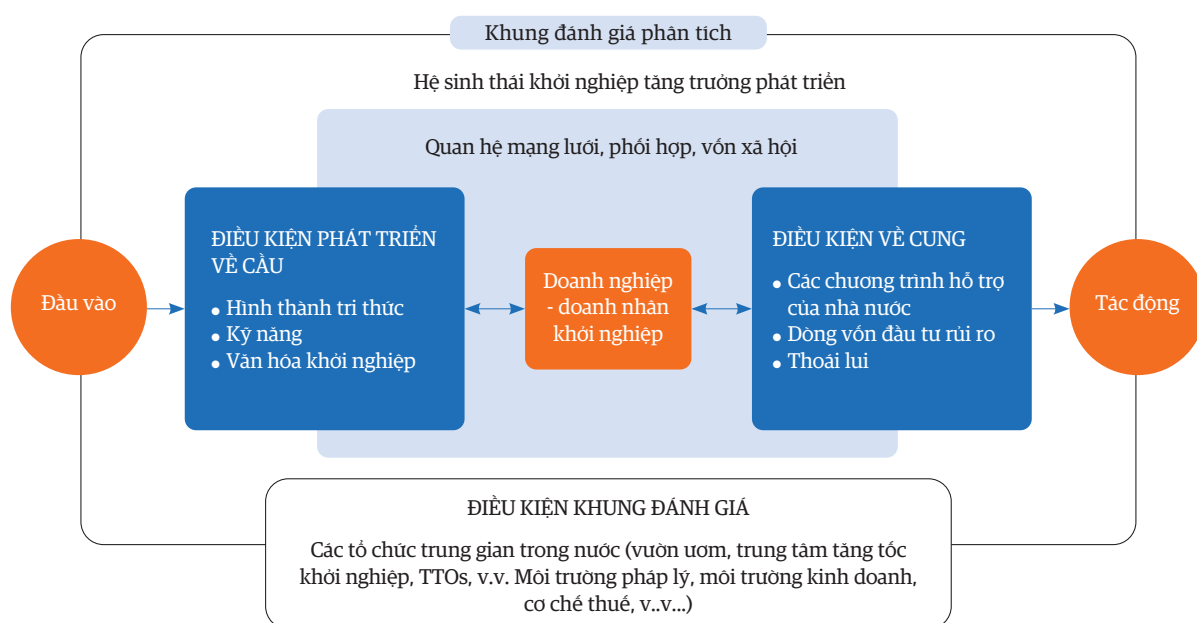
---

<sup>51</sup> Hoạt động đổi mới thường thể hiện qua tỷ lệ doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm, quy trình sản xuất hoặc thực tiễn quản lý mới.

## 2. HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP Ở VIỆT NAM: CÁCH TIẾP CẬN PHÂN TÍCH

Phân tích này dựa trên cách tiếp cận phân tích của Ngân hàng Thế giới<sup>52</sup> nhằm đánh giá mức độ phát triển của tất cả các yếu tố liên quan đến hệ sinh thái khởi nghiệp, qua đó giúp xác định những bất cập và thách thức các doanh nhân và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam đang phải đối mặt. Hình 2.1 trình bày về cách tiếp cận này, bên cạnh các yếu tố cung và cầu trong hệ sinh thái khởi nghiệp nhằm xây dựng nguồn cung các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thể giúp tạo động lực tăng trưởng năng suất và tạo việc làm chất lượng cao trong tương lai. Phân tích này bao gồm ba phần: 1) đánh giá các yếu tố cầu, tập trung vào nguồn ý tưởng, kỹ năng và công nghệ góp phần tạo ra nguồn cung các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, 2) phân tích các yếu tố cung của gói chính sách và khả năng tiếp cận tài chính trong suốt vòng đời của doanh nghiệp, và 3) phân tích các điều kiện của khung hệ sinh thái, như môi trường pháp quy, cơ chế thuế và vai trò của các bên trung gian.

Hình 2.1: Khung đánh giá Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo



Nguồn: Trích xuất từ báo cáo Aridi và đồng sự (2018).

<sup>52</sup> Aridi và đồng sự (2018).

<sup>53</sup> Một nội dung nghiên cứu để lập báo cáo năm 2023 "Đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam: Phân tích đánh giá hệ sinh thái" (Aridi và đồng sự 2023).

## Phân tích các yếu tố cầu

**Hoạt động nghiên cứu của Việt Nam thiếu nguồn lực và chưa đóng góp cho nguồn ý tưởng kinh doanh và khởi nghiệp làm đầu vào cho hệ sinh thái khởi nghiệp của quốc gia.** Hoạt động nghiên cứu và phát triển (NC&PT) ở khu vực Nhà nước chưa nổi bật và có đặc điểm là chất lượng thấp và ít liên quan đến khu vực tư nhân (Ngân hàng Thế giới 2021). Tỷ lệ phân bổ ngân sách cho nghiên cứu & phát triển của Nhà nước ở các trường đại học và viện nghiên cứu công lập tính trên tổng chi tiêu cho nghiên cứu & phát triển đã và đang giảm đáng kể trong thập kỷ qua, từ 74% xuống còn 72% trong giai đoạn 2011-2019. Bên cạnh đó, sản phẩm nghiên cứu của các viện nghiên cứu của Nhà nước chưa theo định hướng thị trường do chưa có động lực, bao gồm động lực phối hợp với các doanh nghiệp. Kết nối nhà nước - tư nhân còn yếu, trong khi các doanh nghiệp hiếm khi nhận định rằng sản phẩm nghiên cứu & phát triển của Nhà nước là nguồn tri thức hữu ích để thúc đẩy đổi mới sáng tạo (Ngân hàng Thế giới 2021). Khảo sát của Ngân hàng Thế giới<sup>53</sup> cho thấy các nhà đầu tư chưa quan tâm đến các trường đại học hoặc viện nghiên cứu công lập trong quá trình tìm kiếm ý tưởng do hạn chế về nguồn cung để các doanh nghiệp có thể đầu tư, do các ý tưởng và triển vọng kinh doanh chưa đủ hấp dẫn.

**Mặc dù đã có những tiến triển về khả năng tiếp cận giáo dục, nhưng các trường đại học và cơ sở đào tạo chưa thực chất chuẩn bị để người lao động tương lai tham gia các vị trí việc làm ở những lĩnh vực công nghệ cao.** Qua bảng chứng phân tích gần đây của Ngân hàng Thế giới, 80% các tổ chức đào tạo tham gia khảo sát cho rằng sinh viên tốt nghiệp của họ đã được chuẩn bị đầy đủ cho các vị trí công việc ban đầu, nhưng chưa đến 40% đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát cho rằng sinh viên mới tốt nghiệp đã sẵn sàng, nhất là cho các vị trí việc làm đòi hỏi kỹ năng cao (Truong, 2022; Ngân hàng Thế giới, 2023b). Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2021 xếp Việt Nam đứng thứ 127 trên 140 quốc gia về kỹ năng phù hợp với ngành nghề của người tốt nghiệp đại học. Các doanh nghiệp tham gia phỏng vấn của Ngân hàng Thế giới cho rằng các trường đại học đã làm tốt việc tạo ra những tài năng về lập trình và kỹ thuật, nhưng nhiều sinh viên mới tốt nghiệp các trường đại học và cao đẳng chưa có đủ kinh nghiệm để đảm nhiệm các vị trí việc làm trong các lĩnh vực công nghệ mới nổi như công nghệ sinh học, công nghệ na-nô, và trí tuệ nhân tạo (Aridi và đồng sự, 2023).

**Doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực, bao gồm cả doanh nghiệp khởi nghiệp, cho biết họ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm lao động có những kỹ năng nền phù hợp cho đổi mới sáng tạo.** Qua khảo sát doanh nghiệp phục vụ đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (CPI) năm 2021, 27% người trả lời cho biết họ gặp khó khăn trong việc tuyển dụng cán bộ quản lý và kỹ thuật, nhất là trong lĩnh vực CNTT&TT (PCI 2021). Trong số 200 doanh nghiệp khởi nghiệp tham gia khảo sát doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Ngân hàng Thế giới năm 2023 (Aridi và đồng sự, 2023), có 44% cho rằng rất vất vả và mới có thể tuyển dụng nhân sự có kỹ năng và trình độ phù hợp. Các doanh nghiệp được nhóm của Ngân hàng Thế giới phỏng vấn cho biết sinh viên kỹ thuật và khoa học máy tính thường được tuyển dụng trước khi nhận bằng do cạnh tranh ngày càng cao để có được kỹ năng của họ (Aridi và đồng sự, 2023). Nghiên cứu gần đây của Ngân hàng Thế giới (2023b) đã chỉ ra nhu cầu đầu tư vào giáo dục và đào tạo, tập trung vào các ngành nghề tăng trưởng cao và những kỹ năng có nhu cầu, bao gồm cải thiện về dịch vụ định hướng nghề nghiệp nhằm giảm sự lệch pha giữa mong muốn của người lao động và yêu cầu của các ngành nghề tăng trưởng cao, nhất là đối với người lao động có kỹ năng trung bình. Ngoài ra một nhu cầu nữa là tăng cường khả năng tiếp cận thông tin cập nhật và thân thiện với người dùng về thị trường lao động bên cạnh những can thiệp nhằm định hướng người lao động sang những lĩnh vực ngành nghề đang tăng trưởng.

**Kỹ năng quản lý cũng đang có nhu cầu cao.** Qua một khảo sát doanh nghiệp năm 2015 của Ngân hàng Thế giới, 37% các doanh nghiệp cho biết họ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm người lao động có đủ kỹ năng quản lý và lãnh đạo. Người trả lời cũng cho biết về tình trạng khan hiếm lao động có các kỹ năng quản lý sản phẩm, phát triển kinh doanh và marketing, đặc biệt là lao động ở các vị trí lãnh đạo doanh nghiệp, như tổng giám đốc điều hành, tổng giám đốc hoạt động, tổng giám đốc tài chính và tổng giám đốc công nghệ. Mặc dù các vị trí lãnh đạo như vậy khá phổ biến trong các ngành công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và đang tăng trưởng, nhưng chủ yếu do người nước ngoài chiếm lĩnh. Điều này làm hạn chế nguồn cung và khả năng di chuyển của nhân tài quản lý trong nước đối với khu vực doanh nghiệp trong nước. Ngoài ra, vì đội ngũ doanh nhân khởi nghiệp đã từng phát triển doanh nghiệp nhiều lần tại Việt Nam còn ít, số lượng nhân sự lãnh đạo có kỹ năng và kinh nghiệm mở rộng doanh nghiệp còn hạn chế. Các doanh nghiệp cần phải cạnh tranh về lương và phúc lợi (chẳng hạn quyền mua cổ phiếu) để thu hút và giữ chân nhân sự lãnh đạo.

**Năng lực của hệ thống giáo dục sau phổ thông của Việt Nam còn hạn chế trong việc gây dựng lực lượng lao động có kỹ năng cao.** Trong thập kỷ qua, số lượng nhập học sau phổ thông đã ổn định ở mức khoảng hai triệu sinh viên, và tỷ lệ theo học các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) được duy trì ở mức khoảng 35% tổng số lượng nhập học (Ngân hàng Thế giới, 2023b). Do những hạn chế về nguồn lực, nhiều trường đại học hàng đầu về khoa học và kỹ thuật đang tập trung nâng cao chất lượng (bao gồm cải thiện chương trình học, tuyển dụng thêm bằng cấp tiến sĩ, cải thiện về kiểm soát và chứng nhận chất lượng), thay vì tăng số lượng sinh viên. Nếu không đẩy mạnh đầu tư cho hệ thống giáo dục sau phổ thông nhằm tiếp tục cải thiện cả về số lượng và chất lượng sinh viên tốt nghiệp, bao gồm tiếp tục tăng tỷ lệ nhập học đại học, nguồn cung lao động kỹ thuật có kỹ năng có thể vẫn sẽ là thách thức đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

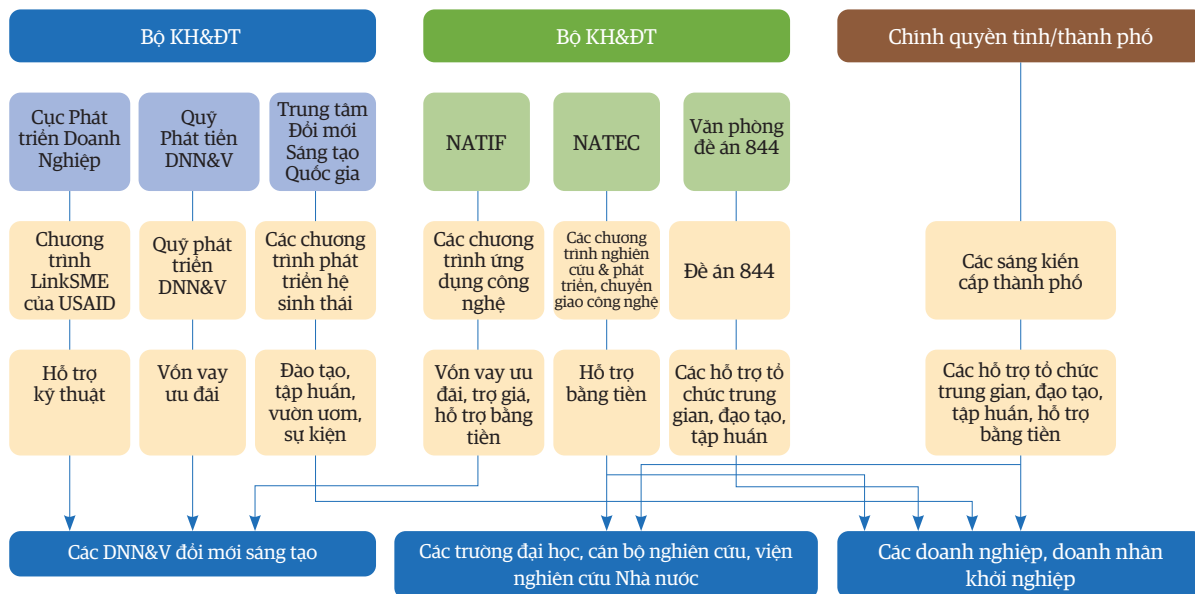
**Mặc dù mức độ sẵn sàng tiếp nhận đầu tư của các doanh nghiệp khởi nghiệp đã được cải thiện trong năm năm qua, nhưng các sáng lập viên vẫn gặp khó khăn trong các khía cạnh quan trọng về vận hành và phát triển doanh nghiệp.** Các nhà đầu tư tham gia phỏng vấn của Ngân hàng Thế giới năm 2023 cho rằng chất lượng trình bày ý tưởng khởi nghiệp đã được cải thiện đáng kể trong những năm qua, vì đây là một trong những nội dung trọng tâm của chương trình đào tạo doanh nhân khởi nghiệp mới, các khóa gia tốc khởi nghiệp, và các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp (Aridi và đồng sự, 2023). Mặc dù vậy, nhiều nhóm sáng lập viên vẫn gặp khó khăn trong các chức năng vận hành doanh nghiệp khởi nghiệp cơ bản, chẳng hạn, tạo ra sản phẩm phù hợp với thị trường, quản lý tài chính, xây dựng chiến lược phát triển, và làm việc nhóm. Bên cạnh đó là nhu cầu đào tạo tốt hơn và phù hợp với nhu cầu riêng cũng như cầm tay chỉ việc để giúp doanh nhân khởi nghiệp phát triển sản phẩm và vận hành doanh nghiệp, chứ không chỉ trình bày ý tưởng khởi nghiệp. Các yếu tố khác gây cản trở về mức độ sẵn sàng tiếp nhận đầu tư bao gồm ngoại ngữ tiếng Anh và kỹ năng đàm phán còn yếu, hạn chế về kinh nghiệm và kiến thức để đàm phán hợp đồng, nhận thức chưa đầy đủ về quyền sở hữu trí tuệ cũng như tâm lý ngại thuê tư vấn bên ngoài (Phạm và Tân 2021).

### **Phân tích các yếu tố cung**

Mặc dù đã có thành công trong triển khai nghị trình khởi nghiệp, nhưng các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của Chính phủ còn manh mún. Hiện có hai bộ được giao nhiệm vụ chính về hỗ trợ khởi nghiệp ở Việt Nam: Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) phụ trách về chính sách đổi mới sáng tạo, còn Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT) quản lý các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNV&N) và

khởi nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động triển khai chính sách lại bị phân tán ở nhiều cơ quan trực thuộc, dẫn đến chồng chéo và thiếu phối hợp (Hình 2.2).

**Hình 2.2: Các chương trình hỗ trợ chính sách khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp, DNV&N**



Nguồn: Aridi và đồng sự (2023)

**Thiết kế và công tác triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và DNV&N ở Việt Nam (tham khảo Phụ lục 2.1) chưa bám sát các thông lệ tốt trên quốc tế.** Khác với các quốc gia phát triển (Cirera và đồng sự, 2020), các tổ chức trung gian sử dụng vốn của Nhà nước chỉ cung cấp số lượng hạn chế các dịch vụ cho doanh nghiệp khởi nghiệp, trong khi khu vực tư nhân chưa tham gia đầy đủ trong việc thiết kế và vận hành các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, khiến cho chất lượng hỗ trợ chưa được như ý. Trong các hệ sinh thái phát triển hơn, mô hình hợp tác công-tư, trong đó các bên khu vực tư nhân có vị thế và được trang bị tốt hơn để triển khai các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, đã để lại những thành tích đem lại nhiều tác động. Ví dụ, Chương trình vườn ươm công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp của Hàn Quốc (TIPS) cho thấy, nếu mô hình hợp tác công-tư được thiết kế và triển khai tốt, mô hình đó sẽ đem lại hiệu quả về xúc tiến khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đánh giá gần đây của Ngân hàng Thế giới về chương trình TIPS cho thấy trong giai đoạn 2013-2021, hỗ trợ của chương trình đã đem lại hiệu quả khởi nghiệp tốt hơn, xét đến đầu vào và đầu ra đổi mới sáng tạo, cũng như khả năng huy động vốn sau đó cho 1.650 đối tượng thụ hưởng. Chương trình cũng đem lại hiệu ứng số nhân về đầu tư tư nhân qua giảm rủi ro trong giai đoạn khởi nghiệp ban đầu, nếu nhìn vào tổng mức đầu tư tiếp theo lên đến khoảng 10,4 lần số tiền được Nhà nước chi cho chương trình TIPS.<sup>54</sup>

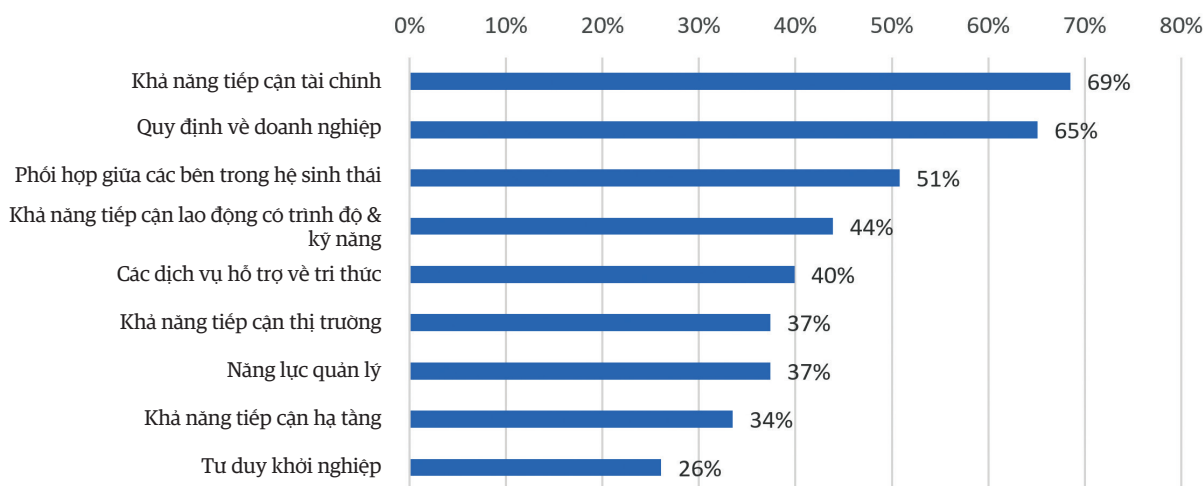
**Hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp không phải lúc nào cũng được đối tượng thụ hưởng biết đến, đồng thời bị hạn chế về quy mô và phạm vi.** Các sáng lập

<sup>54</sup> Để tìm hiểu thêm về TIPS và kết quả đánh giá, tham khảo: Ngân hàng Thế giới. 2024. Tác động của hỗ trợ đối ứng cho khởi nghiệp công nghệ: Trường hợp TIPS của Hàn Quốc. Washington, DC: World Bank. Giấy phép: CC BY-NC 3.0 IGO." Công bố tại <https://openknowledge.worldbank.org/entities/publication/5878ab12-3059-4927-9216-0dcacb3d6c5a>.

viên khởi nghiệp được nhóm của Ngân hàng Thế giới phỏng vấn hầu như không biết về các chương trình hỗ trợ của Nhà nước nêu trên (Aridi và đồng sự, 2023). Các chương trình của quốc gia nhằm cấp vốn cho nghiên cứu & phát triển, cấp vốn vay ưu đãi cho ứng dụng công nghệ và mua sắm thiết bị còn hạn chế và mỗi chương trình chỉ hỗ trợ chưa đến 100 dự án trong năm năm qua. Đề án 884 của Bộ Khoa học và Công nghệ được coi là chương trình hỗ trợ khởi nghiệp hàng đầu của Nhà nước, nhằm cung cấp hỗ trợ tài chính và đào tạo cho doanh nghiệp khởi nghiệp qua trung gian là các trường đại học trên cả nước, đã hỗ trợ cho khoảng 2.000 dự án với tổng kinh phí khoảng 84 triệu USD kể từ năm 2018. Tuy nhiên, chất lượng và công tác xác định đối tượng đào tạo vẫn chưa đảm bảo theo quan điểm của các sáng lập viên và nhà đầu tư được nhóm của Ngân hàng Thế giới phỏng vấn. Chương trình SpeedUp của thành phố Hồ Chí Minh, được Sở Khoa học và Công nghệ thành phố triển khai trong "Đề án hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố Hồ Chí Minh" đã hỗ trợ được 1.500 doanh nghiệp khởi nghiệp trong giai đoạn 2018-2022 bằng cách cấp kinh phí cho các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian. Tuy nhiên, hiện chưa có chương trình tài trợ hoặc vốn vay có thể miễn giảm dành cho hoạt động thương mại hóa của các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở giai đoạn ban đầu. Trong số các doanh nghiệp tham gia Khảo sát khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023 của Ngân hàng Thế giới, chỉ có 2% cho biết họ được Nhà nước hỗ trợ tài chính, tài trợ hoặc cho vay trong những giai đoạn phát triển doanh nghiệp ban đầu, và 7% kỳ vọng hoặc đã được Nhà nước hỗ trợ vốn trong các giai đoạn sau, chẳng hạn sau khi ra mắt sản phẩm.

**Khả năng tiếp cận tài chính vẫn là thách thức lớn đối với khu vực tư nhân ở Việt Nam, nhất là đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp.** Theo Khảo sát khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023 của Ngân hàng Thế giới, trên hai phần ba (69%) doanh nghiệp trả lời cho biết họ gặp khó khăn trong tiếp cận tài chính trong quá trình phát triển (Hình 2.3). Tương tự, gần một nửa các doanh nghiệp khu vực tư nhân tham gia khảo sát PCI năm 2021 nói về khó khăn đó, cao hơn so với năm 2017. Đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp, khả năng tiếp cận tài chính là vấn đề cấp thiết nhất trong những giai đoạn phát triển ban đầu khi phải làm sản phẩm khả thi tối thiểu, do thiếu hỗ trợ của Nhà nước và các nhà đầu tư hướng tới các doanh nghiệp ở giai đoạn ban đầu. Bất cập này được coi là cấp thiết nhất đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp dựa vào quyền sở hữu trí tuệ và phát triển phần cứng, do các hoạt động này đòi hỏi nhiều vốn để phát triển (các sản phẩm khả thi tối thiểu).

**Hình 2.3: Những thách thức chính các doanh nghiệp khởi nghiệp tham gia khảo sát phải đối mặt**

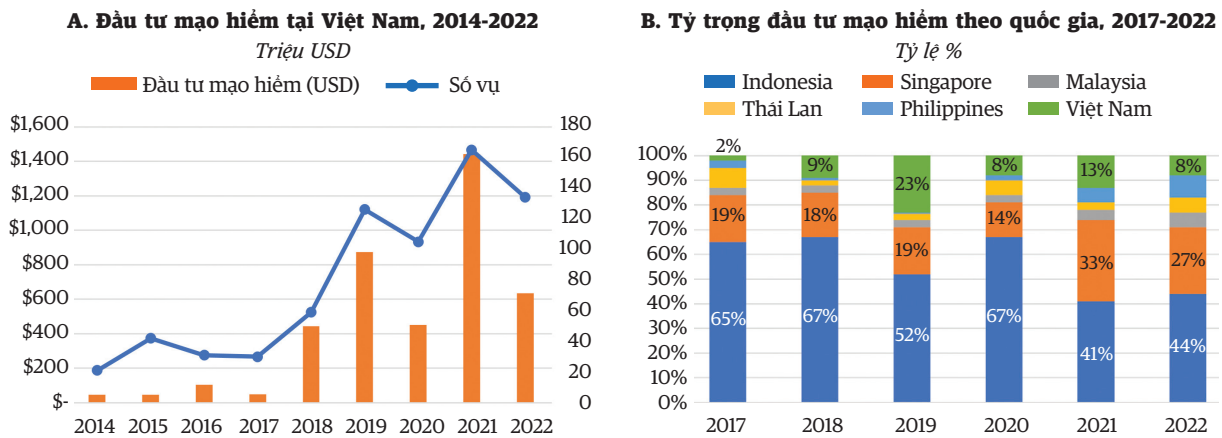


Nguồn: Aridi và đồng sự (2023)

**Hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho đổi mới sáng tạo chủ yếu dành cho một vài các công ty đa quốc gia lớn, và các doanh nghiệp trong nước hầu như không được hưởng gì.** Một phân tích về các chương trình hỗ trợ khoa học và đổi mới sáng tạo của Việt Nam (Ngân hàng Thế giới 2021) cho thấy chương trình đổi mới sáng tạo lớn nhất của Việt Nam cung cấp ưu đãi thuế cho nghiên cứu & phát triển tại các doanh nghiệp có vốn nước ngoài (FIE), trong khi hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp dành cho khu vực tư nhân trong nước lại ít hơn rất nhiều so với các quốc gia so sánh trong khu vực. Ví dụ để minh họa cho điều đó là hỗ trợ trực tiếp của Phi-lip-pin dành cho đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp lên đến 237 triệu USD (0,07% GDP), so với 69 triệu USD (0,02% GDP) của Việt Nam (Ngân hàng Thế giới 2021).

**Vốn đầu tư mạo hiểm ở Việt Nam đã và đang tăng nhanh trong năm năm qua, là bằng chứng cho thấy về tiềm năng phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp.** Đầu tư mạo hiểm ở Việt Nam đạt mức kỷ lục vào năm 2021 xét về giá trị giao dịch (1,5 tỷ USD) và số lượng các giao dịch (165), tăng đáng kể so với các năm trước đó (Hình 2.4a), trước khi giảm xuống còn 634 triệu USD và 134 giao dịch trong năm 2022 do dòng vốn trên toàn cầu bị thắt chặt. Mặc dù vậy, quy mô chung của thị trường đầu tư mạo hiểm của quốc gia vẫn thấp hơn nhiều so với các thị trường phát triển hơn trong khu vực như Sing-ga-po và In-đô-nê-xia. So với mức đỉnh 165 giao dịch tại Việt Nam vào năm 2021, Sing-ga-po cho biết họ đạt đến 303 giao dịch (Hình 2.4b).

**Hình 2.4: Đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam và tỷ lệ đầu tư mạo hiểm theo quốc gia tại Đông Nam Á**



Nguồn: Do Ventures, NIC, và Cento Ventures Research (2022)

**Đồng thời, thiếu hụt vốn cho giai đoạn ban đầu và hạn chế của "dòng vốn kiên nhẫn" sẵn sàng để đầu tư dài hạn là điều rõ ràng.** Chỉ có 15% các doanh nghiệp tham gia Khảo sát doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023 của Ngân hàng Thế giới cho biết được nhận vốn đầu tư mạo hiểm trước khi ra mắt sản phẩm, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ các doanh nghiệp tự huy động vốn hoặc tiếp nhận đầu tư của người thân và bạn bè trong giai đoạn phát triển ban đầu. Tình trạng thiếu vốn ở giai đoạn ban đầu là thách thức lớn hơn đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp dựa trên phần cứng, vì họ cần nhiều vốn hơn để phát triển các sản phẩm khả thi tối thiểu. Thiếu hụt về "dòng vốn kiên nhẫn", nghĩa là dòng vốn trong đó các nhà đầu tư sẵn sàng đầu tư dài hạn hơn, thường là quá năm năm, cũng được ghi nhận. Nhiều quỹ đầu tư mạo hiểm hoạt động tại Việt Nam đang tập trung vào phần mềm và các mô hình sao chép ý tưởng nhằm nội địa hóa ý tưởng kinh doanh cho thị trường Việt Nam, và chưa có nhiều nhà đầu tư mong muốn hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng dài hạn, hoặc các doanh nghiệp có công nghệ hoặc mô hình kinh doanh quá mới mẻ. Các nhà đầu tư thiên thần, thường đóng vai trò quan



trọng trong việc cấp vốn giai đoạn ban đầu, còn khan hiếm<sup>55</sup> và các hoạt động của họ chưa được chuyên nghiệp hóa. Hợp vốn đầu tư, là phương thức đầu tư chia sẻ rủi ro, trong đó một số nhà đầu tư tập hợp nguồn lực để đầu tư cùng nhau với nhiều giao dịch hơn, chưa phải là phương thức phổ biến trong số các nhà đầu tư thiên thần tại Việt Nam.

**Các nhà đầu tư và quỹ đầu tư trong nước phải đối mặt với hạn chế và thiếu động lực tham gia vào các thị trường vốn mạo hiểm.** Mặc dù Nghị định số 38 (2018) đã hình thành khung pháp lý về đăng ký "quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo", nhưng các nhà đầu tư tiềm năng ở các quỹ đầu tư mạo hiểm trong nước chưa có đủ động lực và các quỹ gặp phải những hạn chế về đầu tư mà các đối thủ cạnh tranh đăng ký ở nước ngoài không phải đối mặt. Kết quả là một vài quỹ trong nước đăng ký thành lập theo Nghị định trên mới đầu tư chưa đến 50 triệu USD kể từ năm 2019 so với tổng số 3,2 tỷ USD vốn đầu tư mạo hiểm trong giai đoạn này (Aridi và đồng sự, 2023). Ngoài ra, các tổ chức đầu tư tuyên thối như quỹ hưu trí và công ty bảo hiểm chưa phải là các nhà đầu tư tham gia tích cực về vốn đầu tư mạo hiểm hay đầu tư cổ phần tại Việt Nam do những hạn chế trong quy định pháp luật.

### ***Các điều kiện đảm bảo hệ sinh thái: Đánh giá các yếu tố nền có thể tạo điều kiện hoặc gây hạn chế cho hoạt động khởi nghiệp***

**Mặc dù môi trường kinh doanh gần đây đã được cải thiện, các doanh nghiệp khởi nghiệp và nhà đầu tư ở Việt Nam vẫn phải đối mặt với thách thức liên quan đến các quy định.** Trong khi chi phí thành lập chi cao hơn một chút so với mức bình quân của OECD và thấp hơn so với nhiều quốc gia thu nhập trung bình khác (OECD 2023), các thủ tục xin giấy phép con có thể phiền hà và hiện chưa rõ ràng về tính chất pháp lý của vô số các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp. Đối với các nhà đầu tư, khung pháp lý về đăng ký thành lập quỹ đầu tư còn hạn chế và chưa tạo động lực, dẫn đến mới chỉ có một vài quỹ đăng ký thành lập trong nước.

**Thủ tục hành chính để xin giấy phép con trong một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh còn phiền hà, làm tăng chi phí vận hành doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.** Các doanh nghiệp ở Việt Nam phải xin một hoặc nhiều giấy phép con trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh có điều kiện mới có thể tham gia một lĩnh vực bất kỳ trong số trên 200 ngành, lĩnh vực kinh doanh theo quy định tại Luật đầu tư, điều này có thể làm phát sinh gánh nặng về chi phí và thủ tục hành chính đáng kể cho các doanh nghiệp khởi nghiệp - đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại điện tử, dịch vụ tài chính, công nghệ sinh học, và y tế. Ví dụ, các doanh nghiệp công nghệ tài chính (fintech) phải qua Bộ Công thương để được cấp phép hoạt động thương mại điện tử và được phê duyệt ứng dụng/trang điện tử, và qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thanh toán liên ngân hàng, qua Bộ Thông tin và Truyền thông nếu doanh nghiệp có liên quan đến cơ nội dung số. Qua khảo sát PCI năm 2021, 22% các doanh nghiệp cho biết những khó khăn trong việc xin giấy phép con dẫn đến chậm trễ hoặc phải hủy bỏ kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2020. Tham nhũng vặt cũng diễn ra phổ biến trong quá trình cấp giấy phép con cho doanh nghiệp, trong đó 61% các doanh nghiệp tham gia khảo sát PCI năm 2021 cho biết họ phải trả những khoản phí chính thức trong quá trình xin giấy phép con. Trong số các doanh nghiệp

<sup>55</sup> Các cuộc phỏng vấn với nhiều thành viên hệ sinh thái cho thấy số lượng nhà đầu tư thiên thần đang hoạt động ở Việt Nam dường như dưới 100. Tuy nhiên, nhiều nhà đầu tư như vậy ở các khu vực địa lý khác sẽ được phân loại là nhà đầu tư "bạn bè và gia đình", vì hầu hết các khoản đầu tư đều do có kết nối cá nhân hoặc gia đình giữa nhóm sáng lập và nhà đầu tư. Số lượng nhà đầu tư thiên thần đầu tư vào các công ty không có mối quan hệ cá nhân với nhóm sáng lập có thể sẽ thấp hơn nhiều.

trả lời Khảo sát doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023 của Ngân hàng Thế giới, 65% đưa ra quan điểm không tích cực đối với các quy định kinh doanh của Việt Nam.

**Vùng xám pháp lý trong nhiều hoạt động kinh tế có thể gây cản trở đầu tư ở một số lĩnh vực.** Các sáng lập viên khởi nghiệp và nhà đầu tư được nhóm của Ngân hàng Thế giới phỏng vấn (Aridi và đồng sự, 2023) đã chỉ ra một số hoạt động kinh tế - như lưu trữ dữ liệu y tế hoặc sử dụng không gian công cộng cho hạ tầng sạc phương tiện giao thông - đang rơi vào tình trạng lúng túng về quy định pháp luật, hơn nữa không có cơ quan nhà nước hoặc đối tác đầu mối để tìm hiểu. Các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động trong các vùng xám quy định phải đối mặt với những rủi ro pháp lý cũng là rào cản đối với một số quỹ tham gia phỏng vấn khi họ muốn đầu tư vào các mô hình kinh doanh trong các lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech), y tế, các mô hình kinh doanh logistics và giáo dục, bên cạnh các lĩnh vực khác. Để ứng phó với tình trạng quy định pháp luật thiếu rõ ràng, các nhà đầu tư và các sáng lập viên khởi nghiệp đã kêu gọi hình thành cơ chế thí điểm (regulatory sandbox) để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động trên các thị trường đó. Cơ chế thí điểm nhằm thí điểm khung pháp lý nhằm tạo điều kiện cho các mô hình doanh nghiệp mới được hoạt động hợp pháp trong một khoảng thời gian cụ thể, thường là hai năm, trong lúc đợi làm rõ các quy định thiếu rõ ràng. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã công bố bản dự thảo lần hai về nghị định cho phép thí điểm cơ chế trong lĩnh vực fintech vào năm 2022,<sup>56</sup> nhưng đến nay vẫn chưa có khung thời gian để triển khai cơ chế đó.

**Mặc dù đã có những nỗ lực nêu trên, khung pháp lý về đăng ký thành lập quỹ đầu tư trong nước còn hạn chế và chưa tạo động lực cho các nhà đầu tư.** Tuy Nghị định số 38 (2018) đã tạo ra căn cứ pháp lý để đăng ký thành lập "quỹ đầu tư khởi nghiệp đổi mới sáng tạo" trong nước, nhưng các quỹ đó còn gặp hạn chế về các hoạt động đầu tư, đồng thời các nhà đầu tư trong nước chưa có động lực đầu tư với tư cách là đối tác hạn chế. Theo quy định pháp luật hiện hành, vì quỹ chưa được coi là pháp nhân chịu thuế, nên công ty quản lý quỹ phải thực hiện các nghĩa vụ thuế và phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lợi nhuận có được khi bán khoản đầu tư trước khi phân chia lợi nhuận cho các nhà đầu tư, rất khác với thông lệ quốc tế tốt nhất về thuế đối với các quỹ đầu tư. Ngoài ra, các quỹ bị hạn chế chỉ có tối đa 30 nhà đầu tư, số lượng như vậy thấp hơn so với thông lệ quốc tế. Ví dụ, Hoa Kỳ cho phép quỹ đầu tư mạo hiểm có 100 thành viên hạn chế trước khi phải xin phép trường hợp ngoại lệ theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán và Hối đoái Hoa Kỳ. Cũng giống như các nhà đầu tư trong nước khác, quỹ đầu tư mạo hiểm trong nước không được phép đầu tư vào các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh ngoài Việt Nam nếu không được sự cho phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Mặc dù vậy, hầu hết các doanh nghiệp sẵn sàng tiếp nhận đầu tư ở Việt Nam đang đăng ký thành lập ở nước ngoài để tiếp nhận vốn của các quỹ đầu tư mạo hiểm nước ngoài.

**Các cơ quan và quỹ của Nhà nước ở Việt Nam không được phép tham gia hoặc đầu tư vào quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc quỹ đầu tư cổ phần, gây ảnh hưởng đến dòng vốn trong nước dành cho các doanh nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.** Các doanh nghiệp Nhà nước không được tham gia quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc quỹ đầu tư cổ phần vì Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 cùng các Nghị định hướng dẫn đặt ra yêu

<sup>56</sup> Dự thảo nghị định nhằm xây dựng khung pháp lý về thí điểm các dịch vụ và giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực ngân hàng. Dự thảo nghị định có thể được tìm hiểu bằng tiếng Việt qua đường dẫn này: [https://vibonline.com.vn/du\\_thao/du-thao-nghi-dinh-ve-co-che-thu-nghiem-hoat-dong-fintech-trong-linh-vuc-ngan-hang](https://vibonline.com.vn/du_thao/du-thao-nghi-dinh-ve-co-che-thu-nghiem-hoat-dong-fintech-trong-linh-vuc-ngan-hang).

cầu doanh nghiệp Nhà nước phải bảo toàn vốn của Nhà nước. Cán bộ chịu trách nhiệm nếu bị thua lỗ khi đầu tư sẽ gặp rủi ro bị phạt. Ngược lại, các quỹ hưu trí là nguồn vốn quan trọng để đầu tư vào quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc quỹ đầu tư cổ phần trên toàn cầu. Trong năm 2014, 20% lượng vốn huy động của các quỹ đầu tư mạo hiểm tại Hoa Kỳ có nguồn từ các quỹ hưu trí, bên cạnh 7% đến từ các chương trình hưu trí của doanh nghiệp (Bloomberg 2014). Ngoài ra, kể từ giữa thập kỷ 1990, các quỹ công ở các quốc gia châu Âu được phép đầu tư vào quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc quỹ đầu tư cổ phần nhằm tăng lượng vốn dành cho đầu tư vào hàng ngàn các doanh nghiệp non trẻ và đổi mới sáng tạo (Alperovych và đồng sự 2020). Tại Việt Nam, quỹ Bảo hiểm Xã hội chỉ được phép đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, gửi tiết kiệm và chứng chỉ tiền gửi do các ngân hàng thương mại phát hành, và cho Chính phủ vay (Điều 92, Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2014).

**Sự thiếu đồng bộ và mâu thuẫn trong khung chính sách về quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ ở Việt Nam gây cản trở quá trình lan tỏa tri thức và công nghệ cho khu vực tư nhân.** Trở ngại quan trọng là khác biệt trong cách thức xử lý kết quả nghiên cứu có được qua hoạt động nghiên cứu & phát triển được tài trợ bởi ngân sách Nhà nước tùy vào việc quyền sở hữu trí tuệ có được hình thành trong vòng ba năm sau khi kết thúc dự án hay không (Aridi và đồng sự, 2023). Ngoài ra, các viện nghiên cứu và cán bộ nghiên cứu của Nhà nước phải đối mặt với hạn chế về quyền sở hữu và quản lý các doanh nghiệp khởi nghiệp dựa trên quyền sở hữu trí tuệ. Theo Luật khoa học và công nghệ (2013) và Luật giáo dục đại học (2018), các viện nghiên cứu và trường đại học của Nhà nước được phép thành lập doanh nghiệp, bao gồm doanh nghiệp khởi nghiệp. Tuy nhiên, Luật doanh nghiệp (2020), Luật viên chức (2010) và Luật chống tham nhũng (2018) lại hạn chế việc công chức, viên chức tham gia thành lập, quản lý các doanh nghiệp. Chính vì vậy, cán bộ nhân viên thuộc các viện nghiên cứu và trường đại học công lập không được làm việc trực tiếp tại các doanh nghiệp khởi nghiệp với vai trò giám đốc hoặc thành viên ban quản trị.

**Việt Nam đã triển khai những cải cách cơ cấu quan trọng về thị trường sản phẩm, nhưng khả năng tiếp cận vẫn chưa đồng đều.** Mặc dù đã thực hiện nhiều cải cách, bao gồm cả trong quá trình gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nhưng Việt Nam vẫn đi sau các quốc gia so sánh trong khu vực về độ mở của thị trường hàng hóa, dịch vụ. Trong số các doanh nghiệp tham gia Khảo sát doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023 của Ngân hàng Thế giới, 38% cho biết có thách thức trong tiếp cận thị trường. Những rào cản quy định đặc biệt gây hạn chế cho khu vực dịch vụ, nhất là dịch vụ vận tải và truyền thông. Ngoài ra, các doanh nghiệp Nhà nước và các tập đoàn tư nhân dường như cũng cản trở các doanh nghiệp nhỏ và yếu thế tham gia cạnh tranh (Nhóm Ngân hàng Thế giới, 2021).

**Bên cạnh những nỗ lực nhằm cải thiện cơ sở hạ tầng, chi phí logistics vẫn ở mức cao và tình trạng mất điện theo mùa vụ vẫn diễn ra ở miền bắc Việt Nam trong hai mùa hè vừa qua làm dấy lên quan ngại về độ tin cậy của nguồn năng lượng.** Thứ hạng của Việt Nam trong Chỉ số hiệu quả logistics (LPI) của Ngân hàng Thế giới đã được cải thiện từ hạng mức 53 năm 2010 lên hạng mức 39 trong số 160 nền kinh tế vào năm 2018.<sup>57</sup> Tuy nhiên, thiếu cơ sở hạ tầng và quy định vận tải quá nhiều đang gây cản trở cho việc cung cấp dịch vụ giao nhận chặng cuối, đồng thời dịch vụ vận tải hàng hóa còn chưa hiệu quả do sự manh mún trong ngành và do hạn chế về đầu mới. Cho dù chi phí logistics ở mức cao chưa cản trở quá

<sup>57</sup> Chỉ số hiệu quả hoạt động logistics của Ngân hàng Thế giới <https://lpi.worldbank.org/>

trình Việt Nam hội nhập nhanh vào các chuỗi giá trị toàn cầu, nhưng đó có thể là gánh nặng lớn đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp - cụ thể trong lĩnh vực thương mại điện tử đang phát triển nhanh chóng (Nhóm Ngân hàng Thế giới, 2021). Trong những năm qua, đầu tư chưa đầy đủ cho sản xuất điện - nhất là ở miền Bắc, cũng như cho các đường truyền tải kết nối miền Bắc với miền Nam, nơi đang dư cung điện, dẫn đến tình trạng thiếu điện trong mùa cao điểm ở miền Bắc (từ tháng Năm đến tháng Bảy). Trong năm 2023, ước tính ban đầu về phi tổn kinh tế do mất điện trong tháng Năm-Sáu lên đến 1,4 tỷ USD (tương đương 0,3% GDP).<sup>58</sup> Nhìn chung, gần một phần ba các doanh nghiệp tham gia Khảo sát doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Ngân hàng Thế giới có quan điểm chưa hài lòng về cơ sở hạ tầng của quốc gia.

**Mặc dù số lượng các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp (các trung tâm vườn ươm<sup>59</sup>, tăng tốc khởi nghiệp<sup>60</sup>, trung tâm đổi mới sáng tạo<sup>61</sup>) đã và đang tăng lên, nhưng chất lượng dịch vụ vẫn chưa cao.** Đáng chú ý là số lượng các vườn ươm, tăng tốc khởi nghiệp, nơi cùng làm việc đã tăng vọt từ 104 năm 2020<sup>62</sup> lên đến 1.400 vào năm 2022.<sup>63,64</sup> Tuy nhiên, chỉ có 22% các doanh nghiệp tham gia Khảo sát doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023 của Ngân hàng Thế giới cho biết họ được các trung tâm vườn ươm, tăng tốc khởi nghiệp hỗ trợ, và chỉ có 18% được hưởng lợi qua chương trình hỗ trợ cầm tay chỉ việc hoặc tư vấn. Chương trình chính sử dụng vốn Nhà nước, Đề án 844, hỗ trợ một mạng lưới trên 40 vườn ươm và trung tâm đổi mới sáng tạo trên khắp cả nước, nhưng các đơn vị này thường thiếu nguồn lực hoặc cung cấp dịch vụ với chất lượng chưa cao. Các nhà đầu tư được nhóm của Ngân hàng Thế giới phỏng vấn ghi nhận chất lượng trình bày ý tưởng đã được cải thiện đáng kể trong những năm gần đây, vì đó là trọng tâm của giáo trình các khóa đào tạo khởi nghiệp mới, tăng tốc khởi nghiệp, và cạnh tranh quảng bá. Tuy nhiên, nhiều nhóm sáng lập viên vẫn gặp khó khăn trong vận hành các chức năng cốt lõi của doanh nghiệp khởi nghiệp, chẳng hạn, tạo ra sản phẩm phù hợp với thị trường, quản lý tài chính và thúc đẩy tăng trưởng (Aridi và đồng sự, 2023).

<sup>58</sup> Ngân hàng Thế giới, Diểm lại, tháng 08/2023.

<sup>59</sup> Các trung tâm vườn ươm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp bằng cách cung cấp nơi làm việc chung, văn phòng cho thuê, cơ sở vật chất và tiện ích chung, có thể cũng cung cấp một số dịch vụ cầm tay chỉ việc và đào tạo.

<sup>60</sup> Các trung tâm tăng tốc khởi nghiệp hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp qua chương trình đào tạo khởi nghiệp, cũng có thể cung cấp một số cơ sở vật chất chung và cầm tay chỉ việc.

<sup>61</sup> Các trung tâm đổi mới sáng tạo hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp qua các khóa đào tạo khởi nghiệp, cũng có thể cung cấp một số cơ sở vật chất dùng chung và hỗ trợ cầm tay chỉ việc.

<sup>62</sup> Phạm Trường Thịnh và Aimee Hampel-Milagrosa, 2020, "Hệ sinh thái dành cho các doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ ở Việt Nam", ADB.

<sup>63</sup> Phạm và Tân, 2022.

<sup>64</sup> Mặc dù nhiều nơi không cung cấp dịch vụ ngoài không gian văn phòng làm việc.

### 3. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

**Các doanh nghiệp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng làm động lực tăng trưởng năng suất của quốc gia.** Mặc dù Việt Nam đã hình thành được các doanh nghiệp mới, tăng trưởng cao, nhưng năng suất của các doanh nghiệp trong nước còn thấp, và điều đó có thể ảnh hưởng đến mong muốn trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045. Doanh nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có vai trò còn quan trọng hơn ở các quốc gia thu nhập trung bình, như Việt Nam, nơi tăng trưởng ngày càng dựa vào đổi mới sáng tạo và hấp thụ công nghệ. Chính vì vậy, nhu cầu cấp thiết hiện là các nhà hoạch định chính sách cần hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước có năng suất cao hơn và đổi mới sáng tạo gia nhập thị trường.

**Để các doanh nhân khởi nghiệp phát triển hưng thịnh, họ cần có môi trường tạo điều kiện thuận lợi.** Hiện đang có những thách thức gây cản trở sự gia nhập và phát triển của các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, bao gồm môi trường pháp quy phiền toái và lạc hậu, thiếu hụt kỹ năng ngày càng lớn, và những khó khăn trong tiếp cận tài chính, đặc biệt đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ngoài lĩnh vực công nghệ số. Nhiều ngành nghề - như giáo dục, dịch vụ tài chính, y tế và logistics - cũng bị ảnh hưởng do chi phí gia nhập cao và sự bất định trong các quy định.

**Nhu cầu đặt ra là cần tiến hành biện pháp trên nhiều mặt nhằm nâng cao số lượng và chất lượng của các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, giảm thiểu hụt nguồn tài chính cho đổi mới sáng tạo, loại bỏ rào cản gia nhập và phát triển.** Bảng 2.1 liệt kê một loạt các khuyến nghị chính sách cụ thể cùng với cơ chế triển khai đề xuất dựa trên kết luận qua phân tích của Ngân hàng Thế giới (Aridi và đồng sự, 2023). Cần làm thêm nhiều việc để hiện thực hóa tiềm năng của các doanh nghiệp trên toàn bộ nền kinh tế, bao gồm tái định hướng cho hệ thống hỗ trợ doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực doanh nghiệp thông qua áp dụng công nghệ và các giải pháp số, đầu tư vào nghiên cứu & phát triển, phát triển kỹ năng, cải thiện năng lực quản trị doanh nghiệp, và tiếp cận tài chính (Nhóm Ngân hàng Thế giới, 2021).

**Bảng 2.1: Tổng hợp các khuyến nghị chính sách**

Thách thức	Khuyến nghị	Triển khai	Cơ quan đối tác	Khung thời gian ưu tiên
Các tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ chất lượng chưa cao cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.  Thiếu hụt vốn dành cho các doanh nghiệp giai đoạn ban đầu, đặc biệt là vốn đầu tư mạo hiểm dành cho doanh nghiệp dựa vào công nghệ và kỹ thuật.	Tái định hướng Đề án 844 nhằm hướng tới tạo nguồn doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo sẵn sàng tiếp nhận đầu tư.	• Thiết kế một chương trình đồng tài trợ của nhà nước nhằm thu hút các đơn vị tư nhân và công ty quản lý quỹ đủ tiêu chuẩn để vận hành tổ chức trung gian khởi nghiệp (trung tâm vườn ươm, tăng tốc khởi nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo). Đồng hỗ trợ phát triển trong giai đoạn ban đầu (các sản phẩm trước khi đạt khả thi tối thiểu), và	Bộ KH&CN, NATEC, Bộ KH&ĐT, NIC, các tổ chức trung gian và nhà đầu tư khu vực tư nhân, các tổ chức tài trợ quốc tế.	Ngắn hạn.

<b>Thách thức</b>	<b>Khuyến nghị</b>	<b>Triển khai</b>	<b>Cơ quan đối tác</b>	<b>Khung thời gian ưu tiên</b>
<p>Khan hiếm nguồn vốn của nhà đầu tư thiên thần và nhà đầu tư thiên thần chưa được chuyên nghiệp hóa.</p>		<p>sau đó nâng cao số lượng các nhà đầu tư trong nước tham gia đầu tư giai đoạn ban đầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tạo điều kiện hình thành các mạng lưới và hiệp hội nhà đầu tư thiên thần để cải thiện về số lượng và năng lực của các nhà đầu tư thiên thần trong nước.</li> </ul>		
<p>Hạn chế đối với hoạt động của các nhà đầu tư trong nước. Số lượng các nhà đầu tư trong nước còn hạn chế.</p> <p>Quy trình phức tạp để nhận giấy phép con cho doanh nghiệp trong nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh. Thiếu rõ ràng về tính chất pháp lý của vô số lĩnh vực sản xuất kinh doanh.</p>	<p>Xử lý những rào cản quy định qua cải cách rút gọn thủ tục.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sửa đổi quy định (Nghị định số 38) nhằm hình thành đội ngũ nhà đầu tư mạo hiểm trong nước.</li> <li>• Thi điểm các cơ chế trong lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech), mở rộng sang các lĩnh vực khác nếu thành công.</li> <li>• Đơn giản hóa thủ tục đầu tư bên trong và bên ngoài, cụ thể đối với đầu tư nhỏ (v.d. dưới 5 triệu USD) trong các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.</li> </ul>	<p>Bộ KH&amp;ĐT, Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ KH&amp;CN</p>	<p>Ngắn và trung hạn.</p>
<p>Lĩnh vực nghiên cứu bị thiếu nguồn lực và đóng góp chưa nhiều cho nguồn ý tưởng và doanh nghiệp mới.</p> <p>Hoạt động khởi nghiệp dựa vào các trường đại học / viện nghiên cứu còn hạn chế do cơ chế chuyển giao công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ chưa rõ ràng. Thiếu kỹ năng và nguồn lực cho các hoạt động chuyển giao công nghệ và thương mại hóa. Cơ chế khuyến khích còn yếu.</p>	<p>Nâng cao đóng góp của nghiên cứu trong khu vực Nhà nước nhằm tạo nguồn doanh nghiệp khởi nghiệp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hiện đại hóa cơ chế về chuyển giao công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ cho phù hợp với các thông lệ quốc tế tốt nhất.</li> <li>• Áp dụng các chỉ tiêu liên quan đến thương mại hóa nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và phối hợp trong cơ chế phát triển sự nghiệp và tăng lương cho cán bộ nghiên cứu của Nhà nước.</li> <li>• Tăng cường năng lực về thương mại hóa và chuyển giao công nghệ tại các trường đại học và viện nghiên cứu chủ chốt của Nhà nước.</li> </ul>	<p>Bộ KH&amp;CN (SATI, NATEC), Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học quốc gia, các nhà tài trợ quốc tế.</p>	<p>Trung đến dài hạn.</p>

# Phụ lục

## Một số chương trình của Nhà nước nhằm hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

Chương trình	Cơ quan triển khai	(Các) mục tiêu	Đối tượng thụ hưởng	Loại hình hỗ trợ	Số lượng dự án được hỗ trợ	Quy mô vốn, 2018-2022
Đề án 844 <sup>65</sup> (2016-2022)	Văn phòng Đề án 844, Bộ KH&CN	Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp	Các tổ chức trung gian, các trường đại học, cao đẳng, chính quyền địa phương	Tài trợ vốn	Khoảng 2.000	85 triệu USD
Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 <sup>66</sup>	Bộ KH&CN	Phát triển sản phẩm	Doanh nghiệp	Tài trợ vốn	13	24,7 triệu USD
Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 <sup>67</sup>	Bộ KH&CN	Nghiên cứu và phát triển ứng dụng	Tổ chức nghiên cứu, nhà nghiên cứu, và doanh nghiệp	Tài trợ vốn	49	18,8 triệu USD
Chương trình phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020 <sup>68</sup>	Bộ KH&CN/ NATEC	Thương mại hóa và phát triển sản phẩm	Tổ chức nghiên cứu, tổ chức trung gian, và doanh nghiệp	Tài trợ vốn	63	8,2 triệu USD
Quý Phát triển DNV&N (SMEDF) 2014-2022	Quý SMEDF thuộc Bộ KH&ĐT	Cải thiện năng lực cạnh tranh của DNV&N	Các DNV&N đổi mới sáng tạo và tham gia các cụm và chuỗi giá trị toàn cầu.	Vốn vay ưu đãi gián tiếp	25	7,6 triệu USD

<sup>65</sup> Quyết định số 844 (ngày 18 tháng 05 năm 2016) phê duyệt đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025". Dữ liệu về các dự án và nguồn vốn của Đề án 844 được lấy trên trang điện tử của Bộ KH&CN, nhưng chưa được đưa vào báo cáo chính thức và có thể khác với số liệu báo cáo ở đây.

<sup>66</sup> Quyết định số 2441 (ngày 31/12/2010) và phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020. Chương trình mới giai đoạn 2021-2030 được phê duyệt qua Quyết định số 1322 (ngày 31/08/2020).

<sup>67</sup> Quyết định số 2457 (ngày 31/12/2010).

<sup>68</sup> Quyết định số 2075 (ngày 08/11/2013).

<b>Chương trình</b>	<b>Cơ quan triển khai</b>	<b>(Các) mục tiêu</b>	<b>Đối tượng thụ hưởng</b>	<b>Loại hình hỗ trợ</b>	<b>Số lượng dự án được hỗ trợ</b>	<b>Quy mô vốn, 2018-2022</b>
LinkSME sử dụng vốn USAID (2018-2023)	Cục Phát triển Doanh nghiệp thuộc Bộ KH&ĐT	Kết nối DNV&N, nâng cao năng lực	Tổ chức trung gian và DNV&N	Hỗ trợ kỹ thuật	1.050 doanh nghiệp được hỗ trợ, trong đó 79 doanh nghiệp nhận hỗ trợ sâu. 40 tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp được nhận hỗ trợ	Khoảng 12 triệu USD <sup>69</sup>
Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025	Sở KH&CN thành phố Hồ Chí Minh	Hỗ trợ hệ sinh thái	Tổ chức trung gian và doanh nghiệp	Đạo tạo, sự kiện	3.500 dự án đổi mới sáng tạo, 1.500 doanh nghiệp khởi nghiệp, 40 vườn ươm, 80 nhà đầu tư, 3.887 doanh nghiệp	55,3 triệu USD giai đoạn 2021-2025 (11 triệu USD mỗi năm)
Chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, và nâng cao tiềm năng khoa học và công nghệ tại thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025	Sở KH&CN thành phố Hồ Chí Minh	Phát triển công nghệ	Doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu	Tài trợ vốn		

Nguồn: Aridi et al. (2023)

<sup>69</sup> Tổng ngân sách của LinkSME là 20 triệu US\$, trong đó hỗ trợ các DNV&N là một trong ba hợp phần được nhận tài trợ.



# Tham khảo

- Aghion, P., Blundell, R., Griffith, R., Howitt, P., và Prantl, S. 2009. Tác động của gia nhập đối với năng suất và đổi mới sáng tạo hiện hành. *Thời báo kinh tế học và thống kê*, 91(1), 20-32.
- Alon, T., Berger D., Dent R., và Pugsley B. 2018. Già hơn và chậm hơn: Tác động lâu dài của thiếu hụt doanh nghiệp khởi nghiệp đối với tổng mức tăng trưởng năng suất. *Tạp chí kinh tế học tiền tệ*, 93, 68-85.
- Alperovych, Y., Groh A., và Quas A. 2020. Thu hẹp khoảng cách công bằng cho các doanh nghiệp trẻ đổi mới sáng tạo: Thiết kế các chương trình vốn đầu tư mạo hiểm hiệu quả của chính phủ. *Chính sách Nghiên cứu*, 49(10), 1-18.
- Aridi, Anwar; Gray, Nelson Campbell; Ong Lopez; và Anne Beline Chua. 2018. Mô phỏng nhà đầu tư thiên thần tại Cộng hòa Séc (tiếng Anh). Washington, DC: Nhóm Ngân hàng Thế giới.
- Aridi, Anwar; Querejazu, Daniel; Piatkowski, Marcin; Gray, Nelson; và Đặng, Vinh Quang. 2023. Đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam: Đánh giá phân tích hệ sinh thái. © Washington, DC: Ngân hàng Thế giới.
- Audretsch, D. B., Keilbach, M. C., và Lehmann, E. E. 2006. Khởi nghiệp và tăng trưởng kinh tế. Nhà Xuất bản Đại học Oxford.
- Do Ventures, NIC, và Cento Ventures Research. 2022. Báo cáo đầu tư công nghệ & đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Quốc gia của Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam.
- Gries, T., và Naudé, W. 2009. Khởi nghiệp và tăng trưởng kinh tế vùng: Hướng tới lý thuyết chung về khởi nghiệp. *Đổi mới sáng tạo - Tạp chí nghiên cứu khoa học xã hội châu Âu*, 22(3), 309-328.
- Haltiwanger, J. 2022. Khởi nghiệp trong thế kỷ hai mốt. *Kinh tế học doanh nghiệp nhỏ*, 58, 27-40.
- OECD. 2023. Khảo sát kinh tế của OECD: Việt Nam 2023. Paris: Nhà Xuất bản OECD.
- PCI (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh). 2021. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam: Đo lường và quản trị kinh tế phục vụ phát triển doanh nghiệp.
- Phạm, Q., và Tân, L. P. 2022. *Khởi nghiệp công nghệ số: Việt Nam*. Mandaluyong, Philippines: Ngân hàng Phát triển Châu Á.
- Phạm, T. T., và Hampel-Milagrosa, A. 2022. "Hệ sinh thái khởi nghiệp công nghệ tại Việt Nam". Báo cáo quốc gia số 4 của ADB.
- Spender, J.-C., Corvello, V., Grimaldi, M., và Rippa, P. 2017, "Doanh nghiệp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo mô: nghiên cứu tài liệu." *Tạp chí quản lý đổi mới sáng tạo châu Âu*, Tập 20, Số 1, tr. 4-30. <https://doi.org/10.1108/EJIM-12-2015-0131>.

Trương, T. P. 2022. *Hệ sinh thái khởi nghiệp công nghệ tại Việt Nam*. Mandaluyong, Philippines: Ngân hàng Phát triển Châu Á.

Nhóm Ngân hàng Thế giới. 2021. Hình thành các thị trường ở Việt Nam. Đánh giá phân tích khu vực tư nhân của quốc gia. Washington, DC: Nhóm Ngân hàng Thế giới.

Ngân hàng Thế giới. 2021. Báo cáo Việt Nam: Khoa học, Công nghệ và Đổi mới Sáng tạo năm 2020. Ngân hàng Thế giới, Washington, DC.

Ngân hàng Thế giới. 2023a. Tăng trưởng: Tầm nhìn dài hạn. Cập nhật tình hình kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương, tháng 04/2023. Ngân hàng Thế giới, Washington, DC.

Ngân hàng Thế giới. 2023b. Việt Nam. Chương trình ASA về Phát triển kỹ năng để trở thành quốc gia thu nhập cao - Đánh giá tiến độ. Ngân hàng Thế giới, Washington, DC.









63 Lý Thái Tổ, Hà Nội

Tel: (84-24) 3934 6600

Fax: (84-24) 3935 0752

Email: [vietnam@worldbank.org](mailto:vietnam@worldbank.org)

Website: [www.worldbank.org.vn](http://www.worldbank.org.vn)